

Bản tin

Thông tin Thương mại

Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại – Bộ Công Thương

Thông tin chọn lọc, theo yêu cầu của các đơn vị, doanh nghiệp chuyên ngành Sản phẩm gỗ và Hàng thủ công mỹ nghệ

Số 47 ra ngày 20/11/2023

Trong số này:

Trang

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI - BỘ CÔNG THƯƠNG

Phòng Thông tin

Xuất nhập khẩu

655 Phạm Văn Đồng –
Bắc Từ Liêm – Hà Nội

Bộ phận biên tập:

Tel: (024) 22192875

Phụ trách nội dung

DD: 0986836889

Bộ phận tư vấn thông tin và phát hành:

Tel: (024) 37152586

(024) 37152585

(024) 37152584

Fax: (024) 37152574

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN	2
THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN3	
TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU.....	4
<i>Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Anh tháng thứ 2 tăng liên tiếp</i>	<i>4</i>
<i>Tháng 10/2023, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp tăng 25%.....</i>	<i>9</i>
<i>Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần</i>	<i>11</i>
<i>Nhập khẩu gỗ lim giảm 24,8% về lượng.....</i>	<i>15</i>
<i>Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Mỹ giảm tháng thứ 3 liên tiếp.....</i>	<i>17</i>
<i>Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần</i>	<i>20</i>
<i>Xuất khẩu mặt hàng mây, tre, cói, thảm trong kỳ</i>	<i>23</i>
THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ.....	25
<i>Chỉ số GTI của Malaysia trong tháng 9/2023 giảm</i>	<i>25</i>
<i>FSC điều chỉnh các giải pháp tuần hoàn rừng</i>	<i>26</i>
THAM KHẢO.....	26
<i>Ngừng tạm nhập, tái xuất gỗ tròn, gỗ rừng tự nhiên từ Lào và Campuchia.....</i>	<i>26</i>
<i>Bộ Công Thương công bố Danh sách sơ tuyển “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2022.....</i>	<i>27</i>

Đề nghị không sao chép dưới mọi hình thức.

Doanh nghiệp có ý kiến phản hồi xin gửi về Ban biên tập

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN

1. Kinh tế thế giới

Các thông tin công bố trong tuần vừa qua cho thấy kinh tế Mỹ tăng trưởng chậm lại với thị trường việc làm hạ nhiệt, doanh số bán lẻ giảm; kinh tế EU tăng trưởng chậm hơn so với dự báo, trong khi kinh tế Trung Quốc lại có tín hiệu khả quan khi doanh số bán lẻ và sản xuất công nghiệp tháng 10/2023 tăng.

Tại Mỹ: Kinh tế Mỹ có dấu hiệu đi theo đúng xu hướng mong muốn của FED với lạm phát cơ bản ở mức thấp nhất trong 2 năm và thị trường việc làm đã bắt đầu trước áp lực của lãi suất. Đây là dấu hiệu giúp Cục Dự trữ liên bang (Fed) có thể hoàn tất chu kỳ tăng lãi suất. Theo Bộ Lao động Mỹ, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của nước này tháng 10/2023 giữ nguyên so với tháng trước và mức tăng lạm phát cơ bản hàng năm đạt mức thấp nhất trong hai năm. So với cùng kỳ năm 2022, tính đến tháng 10/2023, CPI của Mỹ đã tăng 3,2%, thấp hơn so với mức tăng 3,7% của tháng 9/2023. Trong khi lạm phát lõi tăng 0,2% trong tháng 10/2023 so với tháng trước đó. So với cùng kỳ năm 2022, lạm phát lõi của Mỹ tăng 4%, mức tăng thấp nhất kể từ tháng 9/2021 và thấp hơn mức tăng 4,1% của tháng 9/2023. Thị trường việc làm bắt đầu hạ nhiệt với số lượng việc làm tháng 10/2023 chỉ tăng 150 nghìn việc làm; Chi phí lao động tăng chậm hơn trong 1,5 năm qua, khi năng suất lao động tăng trong năm nay. Doanh số bán lẻ tại Mỹ tháng 10/2023 giảm 0,1% so với tháng trước, chấm dứt chuỗi tăng trưởng kéo dài 6 tháng. So với cùng kỳ năm 2022, tăng trưởng thương mại bán lẻ đã chậm lại còn 2,5% trong tháng 10/2023 so với mức điều chỉnh tăng 4,1% trong tháng 9/2023.

Tại Trung Quốc: Theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS), doanh số bán lẻ tháng 10/2023 tại nước này tăng 7,6% so với tháng 10/2022, cao hơn so với mức tăng 5,5% của tháng trước và vượt qua dự báo tăng 7,0%. Đây là tháng doanh thu bán lẻ của Trung Quốc tăng thứ 10 liên tiếp và là mức tăng trưởng nhanh nhất kể từ tháng 5/2023. Doanh số bán lẻ tại Trung Quốc tháng 10/2023 tăng mạnh do mức nền thấp của năm 2022 và tháng 10 cũng là thời điểm diễn ra kỳ nghỉ Tuần lễ vàng kéo dài 1 tuần. Ngoài ra, hoạt động sản xuất công nghiệp cũng tăng 4,6%, cao hơn dự báo. Đây cũng là tốc độ tăng trưởng sản lượng nhanh nhất kể từ tháng 4/2023, chủ yếu được hỗ trợ bởi khai thác mỏ tăng 2,9% so với 1,5% trong tháng 9/2023 và sản xuất tăng 5,1% so với 5,0%. Tuy nhiên, một số lĩnh vực khác lại cho thấy những con số không mấy khả quan. Tăng trưởng đầu tư tài sản cố định chỉ tăng 2,9% trong 10 tháng đầu năm nay, thấp hơn dự báo tăng 3,1% và so với giai đoạn 9 tháng đầu năm. Đà sụt giảm ngày càng lớn trong hoạt động đầu tư bất động sản đã ảnh hưởng đến lĩnh vực đầu tư. Theo đó, đầu tư vào bất động sản tháng 10/2023 giảm 9,3%, cao hơn so với mức giảm 9,1% được báo cáo trong 9 tháng đầu năm. Với các chỉ số kinh tế mới công bố, dường như kinh tế Trung Quốc đã tránh được đợt sụt giảm kéo dài, nhưng tốc độ tăng trưởng khó đột biến trong bối cảnh thị trường bất động sản chưa có tín hiệu khả quan.

Tại châu Âu: Trong báo cáo mới nhất, Eurostat đã giảm ước tính tăng trưởng kinh tế của EU từ tăng 0,1% trong quý III/2023 xuống ổn định so với quý trước, quý ổn định thứ 2 liên tiếp trong năm. So với quý III/2022, GDP tại EU ước tính tăng 0,1% trong quý III/2023, sau khi tăng 0,4% trong quý trước đó. Trong đó, GDP các thị trường xuất khẩu hàng hóa lớn của Việt Nam như Đức, Hà Lan... giảm. Kinh tế EU khó khăn khi tiêu dùng trong nước và xuất khẩu hàng hóa cùng giảm. Tháng 9/2023, thương mại bán lẻ giảm 0,3% ở khu vực đồng Euro và giảm 0,2% ở EU so với tháng 8/2023; giảm 2,9% ở khu vực đồng Euro và 2,7% ở EU so với tháng 9/2022. Theo ước tính, xuất

khẩu hàng hóa của EU tới thị trường ngoài khối tháng 9/2023 đạt 209,7 tỷ Euro, giảm 9,7% so với tháng 9/2022; Nhập khẩu từ ngoài khối EU ở mức 202,5 tỷ Euro, giảm 27,6% so với tháng 9/2022; Thương mại nội khối EU cũng giảm xuống còn 341,9 tỷ Euro vào tháng 9/2023, giảm 12,7% so với tháng 9/2022. Điểm sáng trong nền kinh tế EU là tỷ lệ thất nghiệp tiếp tục ở mức thấp. Theo đó, tỷ lệ thất nghiệp ở EU là 6,0% vào tháng 9/2023, ổn định so với tháng 8/2023 và giảm từ mức 6,1% vào tháng 9/2022.

2. Kinh tế trong nước

Quốc hội đã quyết nghị tăng trưởng GDP ở mức 6-6.5% vào năm 2024. Mức này tương đương chỉ tiêu giao năm 2023, nhưng do kinh tế thế giới khó khăn, chịu tác động bởi các cuộc xung đột địa chính trị nên năm nay dự báo GDP chỉ tăng trên 5%.

Trong đó, tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP là 24,1-24.2%; tốc độ tăng năng suất lao động 4,8-5,3%. Các chỉ tiêu này đều thấp hơn năm 2023, lần lượt 1,3-1,6% và 0,2-0,7%.

Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu Quốc hội giao

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024
Tốc độ tăng GDP	6-6,5%
GDP bình quân đầu người	4.700-4.730 USD
Tỷ trọng công nghiệp chế biến chế tạo trong GDP	24,1-24,2%
Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng	4-4,5%
Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân	4,8-5,3%
Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị	<4%

Các chỉ tiêu này thể hiện quyết tâm của Chính phủ tiếp tục phục hồi, phát triển bền vững kinh tế, xã hội trong bối cảnh dự báo tình hình thế giới, khu vực năm 2024 tiếp tục phức tạp, khó lường, sẽ ảnh hưởng tới công nghiệp chế biến, chế tạo do thị trường thế giới chưa phục hồi hoàn toàn, thiếu đơn hàng.

Để hoàn thành kế hoạch Quốc hội giao, thời gian tới, Chính phủ dự kiến chỉ đạo tập trung thực hiện quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp, như tiếp tục ưu tiên thúc đẩy các động lực tăng trưởng (đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu); tập trung phát triển mạnh thị trường trong nước, mở rộng xuất khẩu. Đẩy mạnh hơn nữa giải ngân vốn đầu tư công, đồng thời tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư xã hội, đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài. Chính phủ dự kiến sẽ tiếp tục tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất - kinh doanh, nhất là mở rộng thị trường, kiên quyết cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh. Đồng thời, tiết giảm chi phí tuân thủ, logistics, giải quyết các vướng mắc về đất đai, nhân lực, hạ tầng, bất động sản...

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN

TRONG NƯỚC:

- Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Anh trong tháng 10/2023 đạt 18,7 triệu USD, tăng 25% so với tháng 10/2022. Đây là tháng thứ 2 liên tiếp kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Anh tăng so với cùng kỳ năm 2022. Góp phần thu hẹp mức giảm trong 10 tháng năm 2023, đạt 157,6 triệu USD, giảm 20,1% so với cùng kỳ năm 2022.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, trong tháng 10/2023 kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp đạt 112,7 triệu USD, tăng 23% so với tháng 10/2022. Tính chung 10 tháng năm 2023, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp đạt 947,1 triệu

USD, giảm 16% so với cùng kỳ năm 2022.

- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần từ ngày 7/11/2023 đến 14/11/2023 đạt 320,7 triệu USD, tăng 8,2% so với tuần trước đó. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 200,7 triệu USD, tăng 5,9% so với tuần trước.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, nhập khẩu gỗ lim của Việt Nam tháng 10/2023 đạt 29,4 nghìn m³, trị giá 12,5 triệu USD, giảm 5,9% về lượng và giảm 6,2% về trị giá so với tháng 9/2023; so với tháng 10/2022 giảm 43,8% về lượng và giảm 40,7% về trị giá. Tính chung 10 tháng năm 2023, nhập khẩu gỗ lim đạt 328,5 nghìn m³, trị giá 137,5 triệu USD, giảm 26,3% về lượng và giảm 24,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Mỹ về Việt Nam trong tháng 10/2023 tăng trở lại, đạt 45 nghìn m³, với trị giá 18,5 triệu USD, tăng 6,3% cả về lượng và trị giá so với tháng 9/2023; nâng tổng nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Mỹ về Việt Nam trong 10 tháng năm 2023 đạt 436,88 nghìn m³, trị giá 185,77 triệu USD, giảm 26,1% về lượng và giảm 34,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, trong tuần từ ngày 07/11/2023 đến 14/11/2023, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu đạt 50,1 triệu USD, tăng 3,2% so với tuần trước.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm trong kỳ từ 31/10/2023 đến 14/11/2023 đạt 27,84 triệu USD, giảm 5,4% so với kỳ trước (từ 17/10/2023 đến 31/10/2023).

QUỐC TẾ:

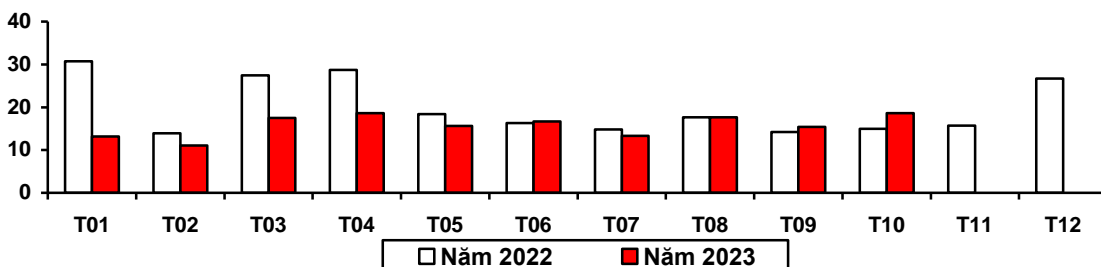
- **Malaysia:** Tháng 9/2023, hoạt động ngành gỗ Malaysia vẫn còn tương đối chậm. Các doanh nghiệp GTI-Malaysia báo cáo xuất khẩu gỗ sụt giảm và nhu cầu trên thị trường vật liệu xây dựng trong nước tiếp tục trì trệ, khiến giá gỗ giảm.
- **Hội đồng quản lý rừng (FSC):** Nhu cầu toàn cầu về các sản phẩm từ rừng được dự đoán sẽ tăng 1/3 vào năm 2035 và tăng gấp 4 lần vào năm 2050. Sự tăng trưởng này được thúc đẩy bởi sự gia tăng dân số, đô thị hóa và nỗ lực liên ngành hướng tới lượng phát thải ròng bằng 0. Tuy nhiên, Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên (WWF) cho biết, rừng của Hội đồng quản lý rừng (FSC) không thể đồng thời đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng và quản lý bền vững rừng. Để bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái rừng, người dân trên toàn thế giới phải phát triển các giải pháp có thể mở rộng để sử dụng cũng như tái sử dụng các vật liệu từ rừng.

TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Anh tháng thứ 2 tăng liên tiếp

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Anh trong tháng 10/2023 đạt 18,7 triệu USD, tăng 25% so với tháng 10/2022. Đây là tháng thứ 2 liên tiếp kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Anh tăng so với cùng kỳ năm 2022, góp phần thu hẹp mức giảm trong 10 tháng năm 2023, đạt 157,6 triệu USD, giảm 20,1% so với cùng kỳ năm 2022.

Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Anh năm 2022 - 2023
(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang Anh giảm đáng kể trong 9 tháng đầu năm 2023, do những tháng đầu năm xuất khẩu giảm mạnh bởi những khó khăn của nền kinh tế toàn cầu và kinh tế Anh, tuy nhiên các tháng gần đây xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tới Anh có xu hướng tăng trở lại. Trong cơ cấu, mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu tới thị trường Anh, đồ nội thất bằng gỗ luôn là mặt hàng chính với kim ngạch chiếm 87% tổng kim ngạch xuất khẩu, đạt 121 triệu USD, giảm 27,4% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu là mặt hàng đồ nội thất phòng khách và phòng ăn đạt 54,6 triệu USD, giảm 27,7% so với cùng kỳ năm 2022; Tiếp theo là mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ đạt 27,4 triệu USD, giảm 24,9%; Ghế khung gỗ đạt 21,5 triệu USD, giảm 29,1%...

Ngoài mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ, trong 9 tháng đầu năm 2023 các mặt hàng khác cũng xuất khẩu tới thị trường Anh như gỗ, ván và ván sàn đạt 5,4 triệu USD, tăng 4,4%; Cửa gỗ đạt 4,3 triệu USD, tăng 2,6%; Đồ gỗ mỹ nghệ đạt 383 nghìn USD, giảm 35,3%...

Anh là thị trường nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ lớn thứ 3 thế giới, sau EU và Mỹ, tuy nhiên do ảnh hưởng của lạm phát nhu cầu tiêu dùng các mặt hàng không thiết yếu như đồ nội thất bằng gỗ có xu hướng giảm, chính vì vậy nhập khẩu mặt hàng của Anh giảm đáng kể. Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Anh trong tháng 8/2023 đạt 346,7 triệu USD, tăng 1,3% so với tháng 8/2022. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, trị giá nhập khẩu mặt hàng này vào Anh đạt 2,8 tỷ USD, giảm 22,6% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, EU là thị trường cung cấp chính mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ cho Anh, đạt 1,4 tỷ USD, giảm 6,7% so với cùng kỳ năm 2022; tiếp theo là thị trường Trung Quốc đạt 929,4 triệu USD, giảm 28,2%, chiếm 33,2%; Việt Nam đạt 154 triệu USD, giảm 44,6%, chiếm 5,5%...

Đối với mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ, doanh nghiệp Việt Nam còn nhiều dư địa và cơ hội để gia tăng xuất khẩu sang Anh. Đáng chú ý, Hiệp định UKVFTA đã mở rộng cánh cửa để hàng hoá Việt Nam tiếp cận thị trường xuất khẩu tiềm năng của thế giới; đặc biệt đây là cửa ngõ để hàng hoá Việt Nam vào thị trường EU được tăng lên. Bên cạnh đó, với các ưu đãi thuế quan tương đối lớn là lợi thế để hàng hoá Việt Nam nâng sức cạnh tranh trên thị trường Anh. Anh có nhu cầu nhập khẩu rất lớn mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ, trong khi hệ thống cung ứng có một số khoảng trống do ảnh hưởng của Brexit và xung đột vũ trang giữa Nga và Ucraina.

Bên cạnh những cơ hội, thị trường Anh cũng xuất hiện không ít thách thức mới, đòi hỏi các doanh nghiệp phải chủ động nghiên cứu, thích ứng.

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thương mại quốc tế có xu hướng suy giảm khi kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm lại và xung đột địa chính trị leo thang, nhu cầu thị trường giảm do lạm phát cao và người dân thắt chặt chi tiêu. Biến động tỷ giá USD/GBP khiến rủi ro tài chính đối với các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam tăng.

Thị trường Anh yêu cầu chất lượng cao, giá cả cạnh tranh. Dự luật về chống mất rừng và suy thoái rừng sẽ ảnh hưởng đến xuất khẩu các sản phẩm gỗ.

Vì vậy để tận dụng cơ hội, bên cạnh việc nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng các tiêu chuẩn, doanh nghiệp cần tích cực xây dựng, phát triển thương hiệu quốc gia để tăng mức độ uy tín cho hàng hóa, sản phẩm tại thị trường Anh...

Ngoài ra, Thương vụ Việt Nam tại Anh tiếp tục thúc đẩy mạng lưới với cộng đồng doanh nghiệp Anh và doanh nghiệp Việt Nam tại Anh để kết nối giới thiệu đối tác cho doanh nghiệp Việt Nam, cung cấp cho doanh nghiệp Việt Nam các thông tin cập nhật về tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, các quy định nhập khẩu vào Vương quốc Anh; phổ biến thông tin chính sách và cơ hội thị trường cho doanh nghiệp.

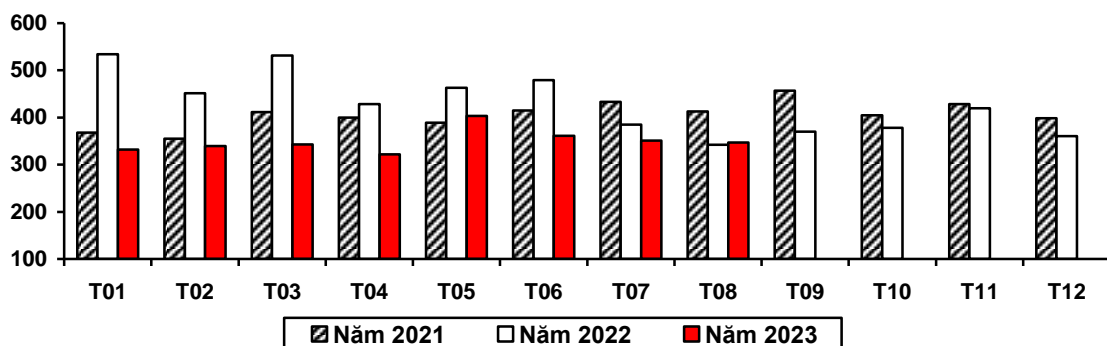
Cơ quan Thương vụ sẽ tích cực hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam xác minh đối tác tại Anh, hỗ trợ giải chấp thương mại, đồng thời tiếp tục làm việc với các hệ thống siêu thị Anh nhằm gia tăng đưa hàng hóa Việt Nam vào các siêu thị sở tại...

Mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu tới thị trường Anh trong tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2023

Mặt hàng	Tháng 9/2023 (nghìn USD)	So với tháng 9/2022 (%)	9 tháng đầu năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					9 tháng năm 2023	9 tháng năm 2022
Tổng	15.427	8,4	138.979	-23,8	100,0	100,0
Đồ nội thất bằng gỗ	13.887	6,3	120.927	-27,4	87,0	91,3
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	6.585	13,5	54.550	-27,7	39,3	41,4
Đồ nội thất phòng ngủ	3.476	15,6	27.421	-24,9	19,7	20,0
Ghế khung gỗ	1.817	-14,7	21.504	-29,1	15,5	16,6
Đồ nội thất văn phòng	855	-36,1	9.669	-6,6	7,0	5,7
Đồ nội thất nhà bếp	1.153	46,4	7.782	-44,0	5,6	7,6
Gỗ, ván và ván sàn	383	10,2	5.417	4,4	3,9	2,8
Cửa gỗ	590	252,3	4.329	2,6	3,1	2,3
Đồ gỗ mỹ nghệ	137	107,2	383	-35,3	0,3	0,3
Khung gương	14	-61,1	146	-30,5	0,1	0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

Trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Anh qua các tháng giai đoạn 2021 – 2023 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: ITC

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ Anh nhập khẩu tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2023

Mã HS	Tên hàng	Tháng 8/2023 (nghìn USD)	So với tháng 8/2022 (%)	8 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
						8 tháng năm 2023	8 tháng năm 2022
Tổng		346.698	1,3	2.798.198	-22,6	100,0	100,0
940360	Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	145.988	1,5	1.103.383	-26,0	39,4	41,2
940161 + 940169	Ghế khung gỗ	100.264	-7,8	900.968	-24,8	32,2	33,1
940350	Đồ nội thất phòng ngủ	57.808	7,2	454.383	-21,4	16,2	16,0
940340	Đồ nội thất nhà bếp	30.219	19,4	245.586	1,1	8,8	6,7
940330	Đồ nội thất văn phòng	12.419	19,1	93.878	-10,8	3,4	2,9

Nguồn: ITC

Thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ cho Anh tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2023

Thị trường	Tháng 8/2023 (nghìn USD)	So với tháng 8/2022 (%)	8 tháng đầu năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					8 tháng năm 2023	8 tháng năm 2022
Tổng	346.698	1,3	2.798.198	-22,6	100,0	100,0
EU	169.110	7,7	1.388.443	-6,7	49,6	41,2
Ba Lan	53.860	19,5	402.900	-7,5	14,4	12,1
Italia	23.875	1,3	260.050	-2,8	9,3	7,4
Đức	24.751	-0,6	207.738	-7,6	7,4	6,2
Litva	21.985	15,8	144.423	-4,7	5,2	4,2
Tây Ban Nha	7.092	72,5	59.062	15,3	2,1	1,4
Rumani	5.279	-20,7	55.167	-8,4	2,0	1,7
Bồ Đào Nha	4.610	-27,7	44.115	-2,3	1,6	1,2
Thụy Điển	6.056	19,4	40.409	7,9	1,4	1,0
Pháp	2.608	-46,3	31.307	-24,7	1,1	1,2
Đan Mạch	3.372	-2,0	27.713	-10,1	1,0	0,9
CH Séc	2.136	2,4	16.131	-12,4	0,6	0,5
Ai Len	3.172	55,0	15.392	-2,9	0,6	0,4
Estonia	967	-17,9	12.246	7,5	0,4	0,3
áo	1.530	139,1	9.980	-3,9	0,4	0,3
Hà Lan	1.251	-10,8	9.939	-15,0	0,4	0,3
Látvia	1.450	10,6	9.915	-26,9	0,4	0,4
Bungari	1.279	49,8	8.421	-18,9	0,3	0,3
Slovakia	1.052	7,6	8.118	-17,6	0,3	0,3
...						
Trung Quốc	117.614	8,0	929.436	-28,2	33,2	35,8
Việt Nam	16.800	-25,2	153.998	-44,6	5,5	7,7
Malaysia	8.712	4,4	63.002	-36,6	2,3	2,7
Thổ Nhĩ Kỳ	6.520	24,4	50.069	3,7	1,8	1,3
Indonesia	6.978	12,6	44.747	-37,3	1,6	2,0
Ấn Độ	5.066	-15,2	34.950	-45,6	1,2	1,8
Braxin	4.451	25,2	34.252	-23,4	1,2	1,2

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tháng 8/2023 (nghìn USD)	So với tháng 8/2022 (%)	8 tháng đầu năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					8 tháng năm 2023	8 tháng năm 2022
Mỹ	2.773	-25,9	21.374	-46,3	0,8	1,1
Thái Lan	957	-41,2	8.988	-42,2	0,3	0,4
Ucraina	907	-40,6	7.440	-36,6	0,3	0,3
Na Uy	645	-33,4	7.368	-40,2	0,3	0,3
Hồng Kông	572	-88,0	6.976	-83,4	0,2	1,2
Thụy Sĩ	421	-70,6	6.709	-16,8	0,2	0,2
Bosnia và Herzegovina	700	1,2	6.046	4,0	0,2	0,2
Các TVQ Ả rập thống nhất	575	-54,1	6.013	-44,5	0,2	0,3
Macedonia	266	-43,8	4.804	25,7	0,2	0,1
Marôc	717	17825,0	4.051	4556,3	0,1	0,0
Anh	526	-52,9	3.980	-39,3	0,1	0,2
Serbia	361	-12,8	1.968	-39,1	0,1	0,1
Nam Phi	163	-85,9	1.364	-84,7	0,0	0,2
Singapore	23	-98,5	1.305	-87,5	0,0	0,3
Đài Loan	116	-56,6	1.218	-60,8	0,0	0,1
Philipine	135	45,2	1.199	21,8	0,0	0,0
Australia	22	-96,9	1.015	-87,1	0,0	0,2
Canada	153	-80,7	994	-85,2	0,0	0,2
New Zealand	342	350,0	992	-32,4	0,0	0,0
Nhật Bản	67	-14,1	713	-57,7	0,0	0,0
Chilê	2	-98,2	586	-26,8	0,0	0,0
Baren	165	39,8	397	-46,0	0,0	0,0

Nguồn: ITC

Doanh nghiệp gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Anh đạt kim ngạch cao trong tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2023

Doanh nghiệp xuất khẩu	Tháng 9/2023 (nghìn USD)	9 tháng năm 2023 (nghìn USD)
CTY CỔ PHẦN LÂM VIỆT	982	8.153
CTY TNHH KETTLE INTERIORS ASIA	475	6.816
CTY TNHH GIANG MINH	761	5.748
CTY TNHH TIẾN HƯNG	790	5.028
CTY TNHH GỖ CHÂN TÂM	731	4.634
CTY TNHH LÂM NGHIỆP PHÚ KHANG THỊNH	543	4.158
CTY CỔ PHẦN GỖ MINH DƯƠNG	677	4.102
CTY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ TIẾN DẠT	419	3.554
CTY TNHH KỸ NGHỆ GỖ THANH THANH	269	3.489
CTY TNHH RESPONSE VIỆT NAM	317	3.115
CTY TNHH PHU KHANG PHAT	519	3.082
CTY TNHH ROCHDALE SPEARS	327	2.950
CTY TNHH CÔNG NGHIỆP QUAN YU VIỆT NAM	117	2.931

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Doanh nghiệp xuất khẩu	Tháng 9/2023 (nghìn USD)	9 tháng năm 2023 (nghìn USD)
CTY CỔ PHẦN DỒ GỖ PHÚC THẮNG	407	2.682
CTY TNHH DỒ GỖ BÌNH DƯƠNG	300	2.577
CTY TNHH MASTER SOFA INTERNATIONAL	14	2.206
CTY CỔ PHẦN HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XNK SAVIMEX	233	1.968
CTY TNHH MỘT THANH VIÊN SẢN XUẤT G H	342	1.946
CTY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN LÂM SẢN KHÁNH HỘI 2	134	1.929
CTY TNHH MTV GỖ PHÚ TÀI BÌNH ĐỊNH	138	1.698
CTY CỔ PHẦN WOODSLAND	391	1.616
CTY CỔ PHẦN S FURNITURE	129	1.564
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÚ TÀI ĐỒNG NAI	238	1.545
CTY TNHH PGT-RECLAIMED (VIỆT NAM)	135	1.515
CTY TNHH MINH NGỌC FURNITURE	214	1.480
CTY TNHH SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT MỸ	199	1.350
CTY TNHH MỸ NGHỆ ĐẠI XUYỀN	121	1.324
CTY TNHH SX THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG THIÊN PHÁT	18	1.245

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ sử dụng để tham khảo)

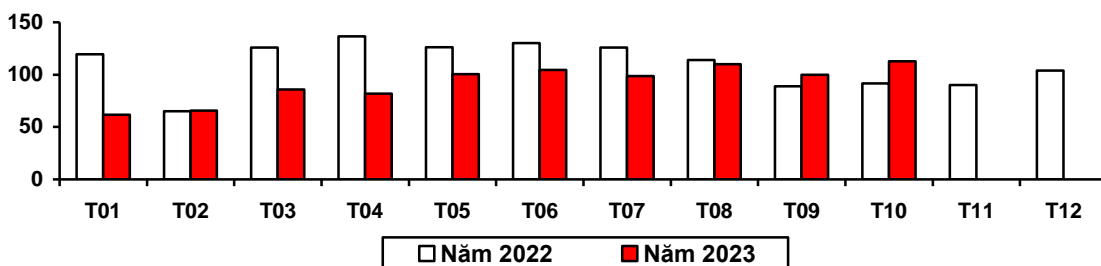
Tháng 10/2023, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp tăng 25%

Theo số liệu thống kê sơ bộ, trong tháng 10/2023 kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp đạt 112,7 triệu USD, tăng 23% so với tháng 10/2022. Tính chung 10 tháng năm 2023, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp đạt 947,1 triệu USD, giảm 16% so với cùng kỳ năm 2022.

Xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp đang có xu hướng tích cực, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này tăng tháng thứ 2 liên tiếp so với cùng kỳ năm 2022. Những tháng cuối năm nhu cầu đối với các sản phẩm nội thất nhà bếp dự kiến tăng đáng kể để đáp ứng nhu cầu khi thị trường nhà ở hoàn thiện và nhu cầu thay thế, sửa chữa và đổi mới các sản phẩm nội thất tại nhiều thị trường để đón chào năm mới. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu mặt hàng đồ nội thất nhà bếp trong năm 2023 dự kiến không lớn, bởi chịu áp lực bởi lạm phát cao, nhu cầu tiêu dùng yếu và xu hướng thắt chặt chi tiêu vẫn được duy trì tại nhiều thị trường.

Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp năm 2022 - 2023

(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Mặt hàng xuất khẩu

Kim ngạch xuất khẩu hầu hết các mặt hàng dùng trong nhà bếp trong 9 tháng đầu năm 2023 đều giảm, trừ mặt hàng ghế dùng trong nhà bếp. Dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu là mặt hàng tủ dùng trong nhà bếp, đạt 687,7 triệu USD, giảm 19,5% so với cùng kỳ năm 2022. Mặt hàng tủ dùng trong nhà bếp xuất khẩu chủ yếu tới thị trường Mỹ với kim ngạch chiếm 94,1% tổng kim ngạch xuất khẩu, đạt 647,5 triệu USD, giảm 19,5% so với cùng kỳ năm 2022.

Tiếp theo là mặt hàng đồ gia dụng nhà bếp đạt 78,8 triệu USD, giảm 10,4%; Bàn bếp đạt 46,4 triệu USD, giảm 34,6%; Kệ bếp đạt 11,9 triệu USD, giảm 3,9%... Đáng chú ý, ghế dùng trong nhà bếp đạt 4,8 triệu USD, tăng 236,8% so với cùng kỳ năm 2022.

Mặt hàng đồ nội thất nhà bếp xuất khẩu trong tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2023

Mặt hàng	Tháng 9/2023 (Nghìn USD)	So với tháng 9/2022 (%)	9 tháng năm 2023 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					9 tháng năm 2023	9 tháng năm 2022
Tổng	99.802	12,3	834.454	-19,2	100,0	100,0
Tủ bếp	83.719	15,9	687.742	-19,5	82,4	82,7
Đồ gia dụng	8.677	1,6	78.774	-10,4	9,4	8,5
Bàn bếp	4.838	-26,6	46.442	-34,6	5,6	6,9
Kệ bếp	1.280	43,8	11.896	-3,9	1,4	1,2
Ghế	695	1316,1	4.771	236,8	0,6	0,1
Xe đẩy	8	-97,2	710	-59,3	0,1	0,2

Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

Thị trường xuất khẩu

Mặt hàng đồ nội thất nhà bếp xuất khẩu chủ yếu tới thị trường Mỹ, trong 9 tháng đầu năm 2023 đạt 704,3 triệu USD, giảm 19% so với cùng kỳ năm 2022, chiếm 84,4% tổng kim ngạch xuất khẩu. Những thông tin kinh tế tích cực từ thị trường Mỹ sẽ hỗ trợ hoạt động xuất khẩu nhiều hàng hóa, trong đó có mặt hàng đồ nội thất nhà bếp trong thời gian tới. Cụ thể, lạm phát Mỹ thấp hơn dự báo trong tháng 10/2023, qua đó mang lại hy vọng áp lực giá cả đã giảm. Số lượng việc làm tháng 10/2023 tăng 150.000 việc làm, cho thấy dấu hiệu thị trường việc làm đã bắt đầu hạ nhiệt trước áp lực lãi suất. Chi phí lao động tăng chậm hơn trong 1,5 năm qua, khi năng suất lao động tăng trong năm nay. GDP Mỹ tăng mạnh 4,9% trong quý 3/2023 (đã hiệu chỉnh theo số hàng năm), dù các chuyên gia kinh tế dự báo tăng trưởng chậm lại đáng kể.

Tiếp theo là xuất khẩu tới thị trường Nhật Bản đạt 53,2 triệu USD, giảm 15,5%; tới Hàn Quốc đạt 21 triệu USD, giảm 34,6%; tới EU đạt 12,1 triệu USD, giảm 24,1%...

Xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp tới các thị trường tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2023

Thị trường	Tháng 9/2023 (Nghìn USD)	So với tháng 9/2022 (%)	9 tháng năm 2023 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					9 tháng năm 2023	9 tháng năm 2022
Tổng	99.802	12,3	834.454	-19,2	100,0	100,0
Mỹ	85.404	13,4	704.304	-19,0	84,4	84,2
Nhật Bản	5.359	-2,4	53.163	-15,5	6,4	6,1
Hàn Quốc	2.219	-8,1	20.996	-34,6	2,5	3,1

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tháng 9/2023 (Nghìn USD)	So với tháng 9/2022 (%)	9 tháng năm 2023 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					9 tháng năm 2023	9 tháng năm 2022
EU	1.808	50,8	12.074	-24,1	1,4	1,5
Đức	530	28,3	3.869	-9,3	0,5	0,4
Pháp	549	103,8	3.746	-8,2	0,4	0,4
Italia	249	54,2	771	16,5	0,1	0,1
Hà Lan	62	-36,6	622	-64,5	0,1	0,2
Tây Ban Nha	110	353,9	536	11,7	0,1	0,0
Đan Mạch	14	-28,8	530	-55,5	0,1	0,1
Ai Len	72	47,8	491	-50,9	0,1	0,1
Thụy Điển	11	-3,4	475	12,1	0,1	0,0
Bỉ	67	-32,8	418	-71,7	0,1	0,1
Ba Lan	62	23,6	225	-41,7	0,0	0,0
Rumani	22	748,4	182	90,5	0,0	0,0
...						
Anh	1.153	46,4	7.782	-44,0	0,9	1,3
Canada	787	27,8	6.336	13,3	0,8	0,5
Ả Rập Xê út	26	-64,2	4.875	118,5	0,6	0,2
Trung Quốc	417	-33,7	4.211	-53,7	0,5	0,9
Ấn Độ	232	37,4	3.173	4,6	0,4	0,3
Đài Loan	357	26,7	2.772	-2,5	0,3	0,3
Australia	403	65,1	2.382	-13,4	0,3	0,3
Ai Cập	145	-68,8	2.241	-25,3	0,3	0,3
Irắc	30	-48,8	1.171	154,5	0,1	0,0
Thái Lan	125	32,8	1.069	-37,7	0,1	0,2
Singapore	200	262,4	830	103,4	0,1	0,0
UAE	100	-69,6	782	-36,7	0,1	0,1
Chilê	64	-11,1	684	123,1	0,1	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần

(Từ ngày 7/11/2023 đến 14/11/2023)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần từ ngày 7/11/2023 đến 14/11/2023 đạt 320,7 triệu USD, tăng 8,2% so với tuần trước đó. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 200,7 triệu USD, tăng 5,9% so với tuần trước.

Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu tới một số thị trường chính trong tuần như: Mỹ đạt 157,7 triệu USD, tăng 6,9% so với tuần trước; tiếp theo là thị trường Nhật Bản đạt 9,5 triệu USD, tăng 2,7%; Canada đạt 5,5 triệu USD, giảm 2,3%; Hàn Quốc đạt 4,2 triệu USD, giảm 6,8%; Anh đạt 4 triệu USD, giảm 1,6%...

Tham khảo giá một số lô hàng sản phẩm gỗ xuất khẩu trong tuần (Giá: FOB)

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
Đài Loan	ghế sofa gỗ thông bọc vải 3-seater chaise 728 151*223*81cm	Bộ	4	289,2	Cát Lái

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Tủ MIRANDA 2 - 80 KB TW gỗ cao su, MDF, QC:(798x450x1948)mm	Bộ	9	106,0	Cát Lái
	Bàn gỗ sồi (2100x900x750) mm	Cái	6	332,1	Cát Lái
	Giường tầng TW BB-T461252(1110*2120*1760)mm, gỗ linh sam, ván MDF, ván ép.	Cái	15	225,0	Cát Lái
Đức	Bàn ăn gỗ sồi, chân sắt (Gỗ sồi) (D.100 x W.240 x H.76cm)	Cái	35	235,0	Cát Lái
	Tủ gỗ Tràm và ván ép MDF .Kích thước (1025x400x1960)mm. Code C-183-090-A21.	Cái	14	304,0	Cont Spite
	Giường gỗ thông/Ván ép/MDF - Quy cách (2069x1473x1026)mm.	Cái	67	254,0	Cont Spite
	Kệ gỗ Tràm và ván ép MDF .Kích thước (650x380x1960)mm. Code C-183-081-A21.	Cái	10	110,0	Cont Spite
	GHẾ Có NỆM -kích thước (131.5 x 76 x 155 cm) gỗ bạch đàn	Bộ	400	411,7	Đồng Nai
à Rập Xê út	Tủ 715-7 , Size: 2430x600x2100MM. gỗ cao su, MDF, ván ép	Cái	5	555,0	Cát Lái
	ghế sofa gỗ thông (pinus radiata) bọc vải 2.5-seater 2424 106*209*79cm	Cái	3	225,0	Cái Mép
	Bàn dài D983-25 (2134x1017x762)mm, đã sơn (gỗ cao su xẻ, gỗ dương,gỗ điều,gỗ tràm,ván MDF)	Cái	30	170,5	Cái Mép
	Bàn ăn dùng trong nhà bếp - Item D984-45, gỗ cao su, ván MDF, ván ép Plywood, quy cách 2286*1016*762mm	Cái	28	96,8	Cái Mép
Ai Len	Bàn gỗ sồi,thông CTI -BAOVMR/MT (1800 x 1200 x 780 = 2200)mm	Cái	11	366,0	Cái Mép
	Tủ gỗ sồi,tần bì HC1ES-WD02LRA/V3A (950 x 550 x 1650)mm	Cái	15	293,0	Cái Mép
	Kệ băng gỗ sồi,tần bì HC-KSLRC/FMT-Light Green (1200 x 472 x 2000)mm	Cái	10	108,0	Cái Mép
	Giường HN03-60,(1900x2170x1100 mm), gỗ sồi, gỗ thông và ván MDF	Cái	10	277,5	Gemalink
Anh	Kệ sách 1780x325x2018mm, gỗ sồi, thông	Cái	35	530,0	Gemalink
	Giường gỗ Tràm + Thông + Mdf (1990 - 1466 - 1080) mm - KM04TW-07	Cái	10	198,0	Gemalink
	Bàn gỗ tếch Tectona grandis, đá nhân tạo (1000x1000x730mm)	Cái	1	1.880,8	Long Bình
	Tủ gỗ dán, sồi Quecus, dẻ gai Fagus sylvatica, ván lạng, MDF, đá nhân tạo, thép (1902x502x800mm)	Cái	1	1.611,9	Long Bình
	Ghế gỗ tếch Tectona grandis bọc vải (572x600x850mm)	Cái	1	885,9	Long Bình
Australia	Bàn gỗ tần sồi , kích thước : (3000x1180x750)mm	Cái	1	708,0	Cái Mép
	Giường Hover 183 - AUS King - Fixed - Range L1 gỗ sồi (W1880xD2220H1000)	Cái	1	650,0	Gemalink
	ghế sofa gỗ thông bọc da 3-seater pl 1949 93*216*75cm	Cái	8	584,1	Gemalink
	Tủ buffet (nhà bếp có 2 tầng trên-dưới) - gỗ Tràm + mdf (1675/1660 - 450/470 - 1200/905) mm	Cái	30	439,7	Gemalink
	Kệ sách, nhãn hiệu logo chữ K, quy cách(900x335x1500mm, đồ gỗ sử dụng trong Phòng bếp gỗ sồi, gỗ thông và ván MDF	Cái	12	193,8	Gemalink
Bỉ	ghế sofa gỗ thông bọc vải corner open end 1723 188*220*83cm	Bộ	1	508,8	Cát Lái
	Giường MDF, veneer gỗ óc chó, kích thước 232*232*259 cm, 10171128BRWN BRDT BRL CNPY EMP 102 BRWN RHH8000-0006, có nhãn RH, hàng mới 100%	Cái	1	1.460,0	Cont Spite
	Tủ(3067565-1960)gỗ dương xẻ,Ván sợi(MDF)(1142*457*2037mm)	Cái	3	1.299,0	Cont Spite
	Bàn(3067628-1973) gỗ cao su xẻ,Ván sợi(MDF)(3862*1067*762mm)	Cái	3	996,6	Cont Spite
	Kệ gỗ sồi (60/30/200)cm	Cái	5	337,8	QT SP-SSA(SSIT)
Các TVQ à Rập thống nhất	Giường gỗ cao su (2110x995x1024) mm - MWD1970N	Bộ	35	169,1	Cát Lái
	Tủ - 1600*460*801mm (gỗ thông, ván MDF, ván PB, ván Plywood)	Cái	30	195,0	Cát Lái
Canada	Bàn ăn dùng trong nhà bếp MDF, veneer gỗ sồi, 244*112*76 cm, 124885086000 ELT5400-0002.WD02	Cái	4	1.276,0	Cái Mép
	Giường -OS1072 / QC: (213X162X90)cm gỗ sồi	Cái	20	453,0	Cont Spite
	Ghế sofa bọc vải, khung gỗ thông đã nhồi nệm,quy cách: 2380*1180*680 MM	Cái	10	498,8	Đồng Nai
	Tủ 9 hộc kéo dùng cho phòng ngủ 9132-79-9 (1796 x 490 x 921)mm gỗ	Cái	4	537,6	Cái Mép

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Oak,MDF,ván lạng gỗ sồi				
	Ghế bọc nệm ván ép, gỗ trầm, mdf (2340 x 1450x 720)mm	Cái	23	269,0	Qt Sp-Ssa(Ssit)
Chilê	Tủ chân gang, vách tủ gỗ sồi, 2000x450x760 mm, mã: CAS0087-07-002-01	Cái	6	746,8	Cát Lái
	Bàn chân gang, gỗ sồi, 2200x1000x745 mm, mã: TAD0333-02-036-01	Cái	6	722,6	Cát Lái
	Giường chân gang, khung giường gỗ sồi, 1900x700x586 mm, mã: BEA0002-06-627-01	Cái	6	547,9	Cát Lái
	Kệ gỗ sồi có 4 ngăn kéo, mặt ngăn kéo đan mây (D.45 x W.100 x H.90cm)	Cái	20	165,0	Cát Lái
	Ghế băng 40x240 gỗ sồi, chân sắt (D.40 x W.240 x H.45cm)	Cái	26	112,0	Cát Lái
Georgia	Bàn N9004000-112 (3100x1168x762mm) gỗ hoàng dương, MDF, ván ép	Cái	4	403,9	Qt sp-ssa(ssit)
	Tủ N9004050SA-112 (1732x460x914mm)gỗ hoàng dương, MDF, ván ép	Cái	2	357,0	Qt sp-ssa(ssit)
	Ghế Sofa B289, được gỗ Keo, kt 176x80x70cm	Cái	22	105,9	Qui Nhơn
Hà Lan	Kệ sách gỗ Sồi 960 x 400 x 2120 (mm)	Cái	5	140,9	Cái Mép
	Giường gỗ Sồi 2230 x 1650 x 1140 mm	Cái	20	133,5	Cái Mép
	Tủ gỗ dương, sồi Quecus, ván lạng, MDF 1402x450x841mm)	Cái	1	965,8	KV.TPHCM
	Bàn gỗ sồi Quecus, đế gai ván lạng, MDF (900x900x650mm)	Cái	1	788,7	KV.TPHCM
	Ghế gỗ dán, keo, ván lạng, MDF, bọc vải (600x600x400mm)	Cái	1	539,0	KV.TPHCM
Hàn Quốc	Ghế sofa SF-1352 4P(TG), KT(2.66*0.95*0.85)M, khung gỗ thông+ván ép, bọc da bò thuộc	Bộ	24	260,0	Cát Lái
	Bàn (2000x900x750) mm, Gỗ sồi, dùng trong phòng khách.	Cái	28	368,0	Cát Lái
	GIƯỜNG QC: 2000*1800*1000 MM gỗ tần bì	Cái	10	281,0	Cát Lái
	Tủ 6 hộc Mango ICD-3515WJ gỗ xoài (HỆ SỐ: 150); gỗ cao su và ván MDF; 1180*505*750 (mm)	Cái	7	221,0	Cát Lái
	Kệ SÁCH 2000*H935 V-300 Qui cách: 2000*300*935mm gỗ cao su	Cái	60	142,2	Cát Lái
Hondura	Bàn ăn dùng trong nhà bếp - Item D974-35, gỗ cao su, ván MDF, quy cách 2744*1170*760	Cái	14	133,8	Cát Lái
	Tủ dùng trong nhà bếp - Item D984-60, gỗ cao su, ván ép Plywood, ván MDF, ván PB, quy cách 1522*457*812mm	Cái	10	102,4	Cát Lái
Hy Lạp	Tủ đầu giường CVS1 - gỗ thông, gỗ tần bì, ván MDF và ván ép (45x47x60)cm	Cái	436	107,0	Cont Spitec
	Bàn chữ nhật T100 gỗ Keo, mặt bàn ceramics, kt 178x250X105cm	Cái	24	170,1	Qui Nhơn
Indonesia	Bàn T517-0 khung mặt bàn và kệ gỗ cao su và ván MDF (1212x850x510)mm	Cái	225	74,1	Cont Spitec
	Tủ:46" x 26" x 20" gỗ thông,ván sơn ép,MDF,ván ép(T637-20-2)	Cái	128	79,0	Đồng Nai
Kô-eot	Bàn trang điểm dùng trong phòng ngủ (ván MDF, gỗ thông, gỗ cây dương, ván ép PW, gỗ cao su) size 1696*540*989mm, Item B922-31	Cái	17	220,0	Cát Lái
	Tủ có hộc dùng trong phòng ngủ (làm từ ván MDF, gỗ thông, gỗ cây dương, ván ép PW, gỗ cao su) size 1039*541*1427mm, Item B922-46	Cái	17	182,5	Cát Lái
Libêria	Ghế sofa bọc da, khung gỗ thông đã nhồi nệm, 850*820*760 MM	Cái	126	296,7	Đồng Nai
	Bàn Kịch thước (2794x1067x768mm), gỗ bạch dương ván MDF.	Cái	51	188,4	Cái Mép
	Tủ tivi, Item: 1695475, (gỗ dương, gỗ thông & ván MDF), 1828 x500 x913mm	Cái	60	180,3	Cái Mép
Malaysia	Tủ Harper TV được MDF và ván dăm kết hợp gỗ Oak, dán veneer quy cách 1800x450x580 mm	Cái	34	193,8	Cát Lái
	Bàn Harper được MDF và ván dăm kết hợp gỗ Oak, dán veneer quy cách 690*590*520 mm	Cái	55	104,8	Cát Lái
Mexico	Tủ Trang điểm B992-050M dùng trong phòng ngủ, (1836*538*1020)mm, gỗ thông, thanh trượt.	Cái	5	224,8	Cát Lái
	Ghế sofa khung gỗ thông, ván ép, nệm, chân, bọc vải, quy cách 93x47x36 (inch)	Cái	40	215,6	Cát Lái
	Bàn M22202640 (2896x1067x762)mm, đã sơn (gỗ cao su xẻ, gỗ dương,gỗ điều,ván MDF, ván ép)	Cái	38	254,8	Gemalink
Mỹ	Kệ PRO10972 (61" W x 23" D x 44" H) gỗ birch	Cái	1	1.949,0	Cái Mép
	10185032LTOK - Bàn (gỗ poplar, beech) (4267x1524x762)mm, nhãn	Cái	1	3.730,9	T.Hợp B.Dương

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	hiệu RH				
	Tủ gỗ dẻ gai Fagus sylvatica, óc chó jugans Nigra, ván lạng (1930*508*1003mm)	Cái	1	1.935,0	Long Bình
	Giường gỗ dán, sồi Quecus, dương, ván lạng, MDF, vải (2271x2159x1524mm)	Cái	1	1.591,1	Long Bình
Na Uy	Bàn gỗ sồi 30593-004(750x2100x1300mm)	Cái	30	261,5	Cont Spite
	Ghế gỗ sồi, bọc vải 31193-005 (820x550x520mm)	Cái	30	98,8	Cont Spite
	Tủ gỗ sồi 31143-002 (600x450x350mm)	Cái	30	88,1	Cont Spite
Nam Phi	Ghế sofa gỗ thông bọc vải 4-seater 2466 96*318*79cm	Bộ	2	427,5	Cái Mép
	Bàn ĂN VANCOUVER II DINING TABLE 240 4 LEGS 2400X1000X780MM H Gỗ trầm.	Cái	51	152,0	Cát Lái
	Kệ Sách VANCOUVER BOOKCASE 900X360X1820MM H Gỗ trầm.	Cái	20	78,0	Cát Lái
New Zealand	Giường Super King kích thước (2365 x 1940 x 1200 mm)gỗ thông	Cái	3	198,6	Cái Mép
	Kệ FLOW B BOOKCASE, 2 DRAWERS (1100x350x2000)mm, gỗ sồi	Cái	24	270,0	Cát Lái
	Bàn ăn (mã DTSH06_GR), gỗ sồi. Kích thước: 2400x1000x770.	Cái	10	290,7	Vict
	Ghế sofa Islet 310 - Fixed - Range F2 làm từ gỗ sồi (W3060xD1050xH820)	Cái	1	570,0	Gemalink
	Tủ gỗ sồi, có KT: 400 x 2000 x 800 (mm)	Cái	18	388,9	Gemalink
Nhật Bản	Tủ thờ 1,650 x 618 x 570 mm gỗ mun, walnut, trầm, thông, poplar	Bộ	4	1.370,0	Cát Lái
	Giường 2 tầng có hộc kéo và cầu thang đi kèm LN-1982 (2570*1040*1600)mm,gỗ linh sam NKD, gỗ HINOKI, ván PLW	Bộ	10	322,0	Cát Lái
	Ghế gỗ óc chó (1600x740x820) mm	Cái	5	315,8	Cát Lái
	Bàn gỗ óc chó (1500x850x720) mm	Cái	5	221,4	Cát Lái
	Kệ gỗ óc chó, MDF 0028983 (1600 x 300 x 905)mm	Cái	10	161,8	Cát Lái
Pháp	Kệ gỗ sồi (60/30/200)cm	Cái	4	337,7	Cái Mép
	Ghế FC99/C995 - ván MDF & gỗ thông, có bọc đệm ở mặt ghế và tựa lưng kích thước (52.5x50x97.5)cm	Bộ	2	359,0	Cont Spite
	Tủ A391 - gỗ thông, MDF, có khóa tủ Qama đi kèm, kích thước (204x51x225)cm, nhãn hiệu Interior's	Cái	3	1.144,4	Cont Spite
	Bàn trònY7TO - gỗ thông & MDF, kích thước (205x140x77)cm	Cái	5	588,2	Cont Spite
	Giường PBLL - MDF, ván ép, cao su & gỗ thông, kích thước (157.5x210.6x92.8)cm	Cái	10	452,0	Gemalink
Puerto Rico	Ghế sofa khung gỗ thông, ván ép, nệm, chân, bọc vải quy cách 45.5x45.5x36.5 (inch)	Cái	27	103,8	Cát Lái
	Giường đơn gỗ cao su thuộc nhóm 7,ván MDF và ván ép.Size:(1602x2152x1395/406)mm.Item:52379Q-HF,52379Q-RS.	Bộ	11	157,2	Qt sp-ssa(ssit)
	Ghế sofa bọc da, khung gỗ thông đã nhồi nệm, 790*760*650 MM	Cái	24	277,5	Qt sp-ssa(ssit)
	Tủ trang điểm(có khung kiếng) gỗ cao su thuộc nhóm 7,ván MDF và ván ép. Size:1448x394x863mm.Item: 52379-DR-MR. Nguồn gốc gỗ mua trong nước. Hàng mới 100%	Cái	20	148,8	Qt sp-ssa(ssit)
Qata	Bàn gỗ trầm KRAMA-DT220 , QCSP: (2200 x 980 x 760)m	Cái	7	290,0	Cát Lái
	Tủ gỗ sồi CHRO-DR6 , QCSP: (1700 x 508 x 812)mm	Cái	11	260,0	Cát Lái
	Giường gỗ trầm KRAMA-KB05 (1820 X 2020) ,(2175 x 1939 x 1100)mm	Cái	10	190,0	Cát Lái
Reunion	Kệ tivi 2 cửa 3 ngăn (165 x 45 x 85 cm) gỗ Tràm (Keo)	Cái	20	192,5	Gemalink
	Bàn chữ nhật (180 x 90 x 76 cm) gỗ Tràm (Keo)	Cái	20	136,5	Gemalink
Singapore	Tủ bếp Gỗ tần bì, gỗ thông, gỗ dán(không nằm trong danh mục cites) đã qua xử lý công nghiệp, KT:4150x750x2700 mm, mới 100%	Bộ	1	3.591,0	Nam Đình Vũ
	Sofa Gỗ teak, gỗ tần bì, gỗ dán, gỗ MDF, KT:2460x1190x700 mm	Bộ	6	857,0	Nam Đình Vũ
	Bàn Gỗ vân sam, gỗ teak, gỗ dán, gỗ MDF(mã code:23507.OBS-LF-03,KT:665/995x545/1020x555/405mm	Bộ	6	642,0	Nam Đình Vũ
	Giường Gỗ tần bì, gỗ teak, gỗ dán KT:2030x2075x220 mm	Cái	6	294,0	Nam Đình Vũ
Tây Ban Nha	Giường ANTON LINEN BED WALNUT (2215x1564x1100)mm, gỗ óc chó	Cái	40	347,6	Phước Long
	Tủ ANTON Dresser Walnut (1300 x 480 x 870)mm, gỗ óc chó	Cái	24	244,8	Phước Long
	Kệ sách - TAND BOOKCASE W/BAR, kt: 1250(W) x 350(D) x 2350(H),	Cái	21	113,4	QT SP-

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	gỗ thông, gỗ Birch, MDF				SSA(SSIT)
	Bàn ăn - TAN EXT TABLE 90/160, kt: 116/1600(W) x 900(D) x 780(H),gỗ Birch, MDF	Cái	25	104,5	QT SP-SSA(SSIT)
	Bàn ăn - TAN EXT TABLE 90/160, kt: 116/1600(W) x 900(D) x 780(H), gỗ thông, gỗ Birch, MDF	Cái	7	104,5	QT SP-SSA(SSIT)
Thái Lan	Ghế đả nhồi nệm(19671)gỗ cao su xẻ,ván ép(2245*995*555mm)	Cái	1	818,8	Cát Lái
	Tủ (72 1/4 x 19 x 34) inch, Gỗ Birch xẻ	Cái	1	817,5	Cát Lái
	Kệ trang trí (38 1/4 x 18 1/4 x 82 1/8) inch, Gỗ Birch xẻ	Cái	2	378,8	Cát Lái
Thụy Điển	Tủ gỗ thông 850mm x 1520mm x 450mm	Cái	16	224,8	Cát Lái
	Bàn gỗ thông 775mm x 1800(2400)mm x 1000 mm	Cái	5	213,8	Cát Lái
	Ghế sofa CD-5117 (Stool D)(65Lx65Wx50H)cm,1704-23111-gỗ thông	Cái	10	148,0	Qt Sp-Ssa(Ssit)
Trung Quốc	Bàn chân gang,mặt gỗ sồi, 260x100x73.5 cm, mã: NH-MCO1002-XL	Cái	2	1.869,3	Cát Lái
	Kệ chân gang,mặt gỗ sồi, 220x51x80.45 cm, mã: MEO3005-CDZ-L-AN-AIB	Cái	2	1.753,4	Cát Lái
	Ghế chân gang,mặt gỗ sồi, 168x133x67 cm, mã: MEO2019-LDB-A52	Cái	1	1.277,3	Cát Lái
Xri Lanca	Kệ trưng bày Gỗ dán, gỗ thông, gỗ tần bì (mã code: 23301.JR-FF01), KT:3383x1035x3000mm	Bộ	1	10.361,0	Tân Vũ
	Bàn ăn vuông Gỗ dán, gỗ tần bì (mã code:23301.JR-LF-07), KT:1200x1200x760mm,	Cái	6	1.324,0	Tân Vũ
	Ghế đôn thấp có nhồi đệm Gỗ dán, gỗ tần bì, KT:550x500x700 mm	Cái	3	578,0	Tân Vũ

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Nhập khẩu gỗ lim giảm 24,8% về lượng

Nhập khẩu gỗ lim của Việt Nam từ thị trường Camêrun lớn nhất, chiếm tới 68,6% tổng lượng nhập khẩu trong 9 tháng đầu năm 2023, đạt 203,8 nghìn m³, trị giá 87,0 triệu USD, giảm 12,2% về lượng và giảm 8,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

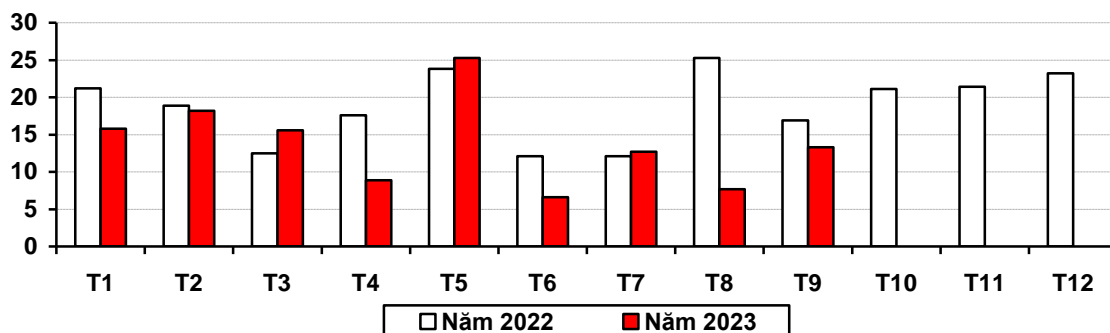
Tình hình nhập khẩu gỗ lim

Theo số liệu thống kê sơ bộ, nhập khẩu gỗ lim của Việt Nam tháng 10/2023 đạt 29,4 nghìn m³, trị giá 12,5 triệu USD, giảm 5,9% về lượng và giảm 6,2% về trị giá so với tháng 9/2023; so với tháng 10/2022 giảm 43,8% về lượng và giảm 40,7% về trị giá.

Tính chung 10 tháng năm 2023, nhập khẩu gỗ lim đạt 328,5 nghìn m³, trị giá 137,5 triệu USD, giảm 26,3% về lượng và giảm 24,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Trị giá nhập khẩu gỗ lim của Việt Nam qua các tháng giai đoạn năm 2022– 2023

(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Theo số liệu thống kê, nhập khẩu gỗ lim của Việt Nam tháng 9/2023 đạt 31,3 nghìn m³, trị giá 13,3 triệu USD, tăng 57,4% về lượng và tăng 74,1% về trị giá so với tháng 8/2023; so với tháng 9/2022 giảm 29,5% về lượng và giảm 21,3% về trị giá.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu gỗ lim đạt 297,2 nghìn m³, trị giá 124,2 triệu USD, giảm 24,8% về lượng và giảm 22,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

+ Về chủng loại nhập khẩu:

Theo số liệu thống kê, 9 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu gỗ lim loại tròn đạt khối lượng 151,2 nghìn m³, trị giá 55,5 triệu USD, giảm 33,6% về lượng và giảm 35,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Nhập khẩu gỗ lim xẻ đạt 146,0 nghìn m³, trị giá 68,6 triệu USD, giảm 11,6% về lượng và giảm 7,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Một số chủng loại gỗ lim nhập khẩu 9 tháng đầu năm 2023

Thị trường	9 tháng đầu năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)		
	Lượng (m ³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m ³)	Trị giá	Lượng	Đơn giá
Gỗ tròn	151.218	55.524	367,2	-33,6	-35,6	-3,0
Gỗ xẻ	145.967	68.639	470,2	-11,6	-7,4	4,9

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

+ Về giá nhập khẩu:

Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan, giá nhập khẩu trung bình gỗ lim trong 9 tháng đầu năm 2023 đạt 417,8 USD/m³, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, giá trung bình nhập khẩu gỗ lim từ Camêrun tăng 4,8% so với cùng kỳ năm 2022, lên 426,9 USD/m³; từ Cônggô tăng 5,8%, lên 460,7 USD/m³; từ Nigieria tăng 1,7%, lên 248,3 USD/m³.

Trái lại, giá trung bình nhập khẩu gỗ lim từ Gabông giảm 4,9% so với cùng kỳ năm 2022, xuống 364,9 USD/m³; từ Lào giảm 1,7%, xuống 728,8 USD/m³...

+ Về thị trường nhập khẩu:

9 tháng đầu năm 2023, lượng nhập khẩu gỗ lim hầu hết các thị trường đều giảm so với cùng kỳ năm 2022, trừ nhập khẩu từ thị trường Nigieria, Uganda tăng. Cụ thể:

Nhập khẩu gỗ lim từ thị trường Camêrun giảm 12,2% về lượng và giảm 8,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 203,8 nghìn m³, trị giá 87,0 triệu USD, chiếm tới 68,6% tổng lượng nhập khẩu.

Nhập khẩu mặt hàng này từ thị trường Cônggô đạt 24,7 nghìn m³, trị giá 11,4 triệu USD, giảm 38,0% về lượng và giảm 34,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Ngoài ra, lượng nhập khẩu gỗ lim từ một số thị trường khác giảm so với cùng kỳ năm 2022 như: từ Gabông giảm 18,0%; Hồng Kông giảm 33,5%; Lào giảm 34,6%; Equatorial Guinea giảm 51,1%; Gana giảm 18,5%; EU giảm 27,5%...

Trái lại, nhập khẩu mặt hàng này từ thị trường Nigieria đạt 13,2 nghìn m³, trị giá 3,3 triệu USD, tăng 6,7% về lượng và tăng 8,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, chiếm 4,4% tổng lượng nhập khẩu trong 9 tháng đầu năm nay.

Thị trường cung cấp gỗ lim cho Việt Nam 9 tháng đầu năm 2023

Thị trường	9 tháng đầu năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m ³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m ³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	9 tháng năm 2023	9 tháng năm 2022
Tổng	297.185	124.163	417,8	-24,8	-22,9	2,6	100,0	100,0

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	9 tháng đầu năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m ³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m ³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	9 tháng năm 2023	9 tháng năm 2022
Camêrun	203.834	87.021	426,9	-12,2	-8,0	4,8	68,6	58,8
Cônggô	24.725	11.390	460,7	-38,0	-34,4	5,8	8,3	10,1
Gabông	18.024	6.576	364,9	-18,0	-22,1	-4,9	6,1	5,6
Nigeria	13.194	3.277	248,3	6,7	8,5	1,7	4,4	3,1
Hồng Kông	8.333	3.656	438,8	-33,5	-20,1	20,2	2,8	3,2
Lào	6.332	4.615	728,8	-34,6	-35,7	-1,7	2,1	2,4
Guinea Xích đạo	4.491	1.074	239,1	-51,1	-66,3	-31,1	1,5	2,3
Gana	4.263	1.049	246,2	-18,5	-30,3	-14,5	1,4	1,3
EU	3.183	1.288	404,4	-27,5	-24,5	4,2	1,1	1,1
Pháp	2.032	807	396,9	287,8	407,6	30,9	0,7	0,1
Italia	746	285	382,4	-78,0	-79,1	-4,9	0,3	0,9
Đan Mạch	282	141	500,8	133,5	121,5	-5,1	0,1	0,0
Rumani	123	54	442,1	17,6	30,0	10,6	0,0	0,0
Trung Quốc	2.977	847	284,6	-88,9	-92,5	-32,7	1,0	6,8
UAE	2.198	917	417,3	-28,7	-18,5	14,3	0,7	0,8
Li Băng	1.603	921	575,0	-10,6	13,3	26,7	0,5	0,5
Singapore	1.583	627	396,3	-64,0	-68,6	-13,0	0,5	1,1
Campuchia	670	171	254,7	-76,4	-75,8	2,6	0,2	0,7
Côlômbia	651	405	621,9	-33,1	-34,2	-1,6	0,2	0,2
Dambia	332	122	367,9				0,1	0,0
Kenya	183	46	250,4	-47,5	-52,2	-8,9	0,1	0,1
Ăngôla	176	52	293,7	-74,1	-71,6	9,3	0,1	0,2
Uganda	160	40	250,0	100,0	100,0	0,0	0,1	0,0
Xamoa	157	37	235,6	-62,6	-70,6	-21,5	0,1	0,1
Môdambic	50	8	150,0	-90,3	-94,3	-40,7	0,0	0,1
Libêria	45	16	350,0	-94,1	-90,4	62,2	0,0	0,2
Pêru	21	9	399,9	-74,5	-68,8	22,5	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Mỹ giảm tháng thứ 3 liên tiếp

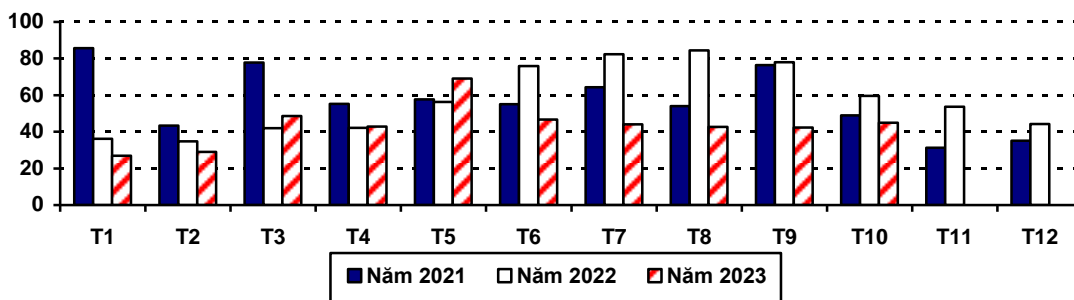
Theo thống kê từ số liệu của Tổng cục Hải quan, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Mỹ về Việt Nam trong tháng 9/2023 giảm tháng thứ 3 liên tiếp, đạt 42,33 nghìn m³, với trị giá 17,40 triệu USD, giảm 0,8% về lượng và giảm 4,5% về trị giá so với tháng 8/2023; giảm 45,7% về lượng và giảm 52,4% về trị giá so với tháng 9/2022. Tính chung trong 9 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Mỹ về Việt Nam đạt 391,88 nghìn m³, trị giá 167,27 triệu USD, giảm 26,3% về lượng và giảm 34,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Theo số liệu thống kê sơ bộ, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Mỹ về Việt Nam trong tháng 10/2023 tăng trở lại, đạt 45 nghìn m³, với trị giá 18,5 triệu USD, tăng 6,3% cả về lượng và trị giá so với tháng 9/2023; nâng tổng lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Mỹ về Việt Nam trong 10 tháng năm 2023 đạt 436,88 nghìn m³, với trị giá 185,77 triệu USD, giảm 26,1% về lượng và giảm 34,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Trong những tháng gần đây hoạt động xuất khẩu của ngành gỗ đang có xu hướng

phục hồi tích cực. Hiện tại, nhiều doanh nghiệp trong ngành gỗ đã có đơn hàng trở lại, phục vụ cho mùa mua sắm nội thất cuối năm của thị trường thế giới. Dự báo, nhu cầu nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường có tính pháp lý cao như Mỹ, EU - vốn chủ yếu dùng để phục vụ chế biến xuất khẩu sẽ phục hồi trở lại.

Lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Mỹ (nghìn m³)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Chủng loại nhập khẩu chính:

- **Gỗ xẻ:** Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan, nhập khẩu gỗ xẻ từ Mỹ trong tháng 9/2023 đạt 31,10 nghìn m³, với trị giá 14,15 triệu USD, tăng 2,2% về lượng và tăng 5,4% về trị giá so với tháng 8/2023; giảm 17,4% về lượng và giảm 45,0% về trị giá so với tháng 9/2022. Tính chung trong 9 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu gỗ xẻ từ Mỹ đạt 253,75 nghìn m³, với trị giá 120,10 triệu USD, giảm 9,9% về lượng và giảm 35,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Giá nhập khẩu trung bình gỗ xẻ trong tháng 9/2023 ở mức 455 USD/m³, tăng 3,2% so với tháng 8/2023, nhưng giảm 33,4% so với tháng 9/2022. Tính chung trong 9 tháng đầu năm 2023, giá nhập khẩu trung bình gỗ xẻ ở mức 473 USD/m³, giảm 28,4% so với cùng kỳ năm 2022.

Tháng 9/2023, nhập khẩu gỗ xẻ từ Mỹ giảm chủ yếu là do nhập khẩu gỗ dương giảm mạnh, đạt 14,52 nghìn m³, với trị giá 4,19 triệu USD, giảm 13,2% về lượng và giảm 16,7% về trị giá so với tháng 8/2023. Ngược lại, nhập khẩu gỗ sồi, óc chó, trăn, tần bì đều tăng so với tháng 8/2023.

Tính chung trong 9 tháng đầu năm 2023, trong 2 chủng loại gỗ xẻ được nhập khẩu chủ yếu từ Mỹ, thì lượng gỗ dương nhập khẩu giảm 5,9% so với cùng kỳ năm 2022, trong khi nhập khẩu gỗ sồi tăng 1,8%.

- **Gỗ tròn:** Nhập khẩu gỗ tròn từ Mỹ về Việt Nam trong tháng 9/2023 đạt 11,10 nghìn m³, với trị giá 3,13 triệu USD, giảm 6,0% về lượng và giảm 31,1% về trị giá so với tháng 8/2023; giảm 72,5% về lượng và giảm 71,0% về trị giá so với tháng 9/2022. Tính chung trong 9 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu gỗ tròn từ Mỹ đạt 137,47 nghìn m³, với trị giá 46,33 triệu USD, giảm 45,1% về lượng và giảm 30,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Giá nhập khẩu trung bình gỗ tròn từ Mỹ về Việt Nam trong tháng 9/2023 ở mức 282 USD/m³, giảm 26,7% so với tháng 8/2023, nhưng tăng 5,2% so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung trong 9 tháng đầu năm 2023, giá nhập khẩu trung bình gỗ tròn từ Mỹ về Việt Nam ở mức 337 USD/m³, tăng 25,9% so với cùng kỳ năm 2022.

Tháng 9/2023, nhập khẩu thông tròn tăng mạnh, đạt 5,36 nghìn m³, với trị giá 541 nghìn USD, tăng 62,6% về lượng và tăng 27,8% về trị giá so với tháng 8/2023; ngược

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

lại nhập khẩu gỗ sồi giảm mạnh 32,9% về lượng và 30,7% về trị giá, đạt 3,87 nghìn m³, với trị giá 1,90 triệu USD.

Tính chung trong 9 tháng đầu năm 2023, lượng gỗ tròn nhập khẩu từ Mỹ về Việt Nam giảm chủ yếu là do nhập khẩu gỗ thông giảm mạnh 66,7% về lượng (tương đương giảm 103,89 nghìn m³ – bằng 92% tổng lượng giảm gỗ tròn nhập khẩu từ Mỹ), và giảm 70,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Ngược lại, nhập khẩu gỗ sồi, hồ đào, óc chó, tần bì tăng so với cùng kỳ năm 2022.

Gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Mỹ trong tháng 9/2023 và 9 tháng đầu năm 2023

(Lượng: m³; Trị giá: nghìn USD)

Mặt hàng	Chủng loại	Tháng 9/2023		So với tháng 8/2023 (%)		So với tháng 9/2022 (%)		9 tháng đầu năm 2023		So với 9 tháng năm 2022 (%)	
		Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng		42.325	17.403	-0,8	-4,5	-45,7	-52,4	391.876	167.270	-26,3	-34,0
Gỗ xẻ	Dương	14.519	4.190	-13,2	-16,7	1,4	-34,8	111.635	34.215	-5,9	-35,6
	Sồi	10.498	5.905	22,1	23,1	-17,9	-39,9	91.979	50.452	1,8	-27,1
	Óc chó	1.725	1.996	6,4	1,3	-53,5	-65,9	16.362	19.355	-31,6	-47,7
	Trần	1.798	615	168,5	175,8	16,1	-24,5	11.478	3.746	-7,0	-38,2
	Hồ đào	578	324	-29,6	-27,9	472,7	394,6	5.320	3.906	153,0	172,0
	Thích	122	77	-78,1	-74,6	-78,2	-77,0	4.101	2.243	-21,0	-41,3
	Tần bì	589	374	143,0	188,2	-44,8	-51,3	4.025	2.396	-35,7	-46,0
	Thông		0	-100,0	-100,0	-100,0	-100,0	2.065	428	-11,6	-42,5
	Đoạn xẻ	496	292	131,2	129,8	159,1	155,1	1.624	1.000	15,4	33,8
	Anh đào	68	42	54,5	159,6	-90,4	-90,1	359	227	-78,5	-76,6
	Bạch đàn	0	0	-	-	-	-	161	70	-65,1	-66,6
	Tuyết tùng	61	62	-	-	106,3	152,7	143	134	-58,5	-55,6
	Tổng		31.096	14.153	2,2	5,4	-17,4	-45,0	253.746	120.103	-9,9
Gỗ tròn	Thông	5.355	541	62,6	27,8	-77,1	-81,5	51.865	5.812	-66,7	-70,4
	Sồi	3.868	1.899	-32,9	-30,7	-44,7	-53,3	49.901	25.474	6,2	-2,7
	Hồ đào		0	-100,0	-100,0	-100,0	-100,0	8.988	2.649	18,1	0,9
	Óc chó	337	284	-73,4	-70,2	-70,9	-77,1	7.151	5.823	2,3	-21,3
	Dương	804	170	3,1	-26,8	-63,8	-71,1	6.261	1.755	-65,0	-64,0
	Tần bì	255	58	-4,9	6,2	3,7	-37,7	3.465	1.033	140,0	75,5
	Bồ đề	380	106	283,6	283,6	27,6	19,8	1.450	414	-38,2	-41,6
	Anh đào	101	72	252,6	420,6	-53,0	-57,2	1.078	589	-30,4	-50,4
	Bách	0	0	-	-	-	-	1.060	357	-	-
	Bách nhật	0	0	-	-	-100,0	-100,0	883	280	111,1	43,5
	Bạch đàn	0	0	-	-	-	-	756	99	-	-
	Hinoki	0	0	-	-	-	-	619	209	-	-
	Thích	0	0	-100,0	-100,0	-	-	306	230	118,1	13,8
	Keo	0	0	-	-	-	-	129	52	-	-
	Đoạn xẻ	0	0	-	-	-	-	122	33	-	-
Tổng		11.101	3.130	-6,0	-31,1	-72,5	-71,0	137.472	46.328	-45,1	-30,8

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tham khảo một số doanh nghiệp nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Mỹ đạt trị giá cao trong 9 tháng đầu năm 2023

Doanh nghiệp nhập khẩu	9T/2023 (nghìn USD)	So với 9T/2022 (%)
CTY TNHH MTV GỖ SHENG HE (VIỆT NAM)	7.084	81,9

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

CTY TNHH GỖ PHƯƠNG ĐÔNG	5.274	-39,1
CTY TNHH CHẾ BIẾN GỖ PHÚ SÁN	4.918	21,0
CTY TNHH GỖ CHẤN VIỄN	4.195	-
CTY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ TIẾN ĐẠT	3.648	113,4
CTY TNHH MỸ LÂM	3.455	204,1
CTY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI ĐỒ MỘC VIỆT NAM	3.229	158,6
CTY TNHH A & J PRODUCTS	2.887	-78,0
CTY TNHH MTV GỖ SÂM THÀNH	2.841	172,7
CTY TNHH CÔNG NGHIỆP QUAN YU VIỆT NAM	2.779	-56,1
CTY TNHH CÔNG NGHIỆP GỖ KAISER 1 (VIỆT NAM)	2.679	218,4
CTY CỔ PHẦN GỖ MINH DƯƠNG	2.337	-18,4
CTY TNHH GỖ YONG SHUN JIA XING	2.252	-6,6
CTY TNHH GỖ LIAN CHUEN	2.250	-11,2
CTY TNHH LIXIN VENEER VIỆT NAM	2.240	51,5
CTY TNHH CERUBO	2.201	-16,7
CTY TNHH THÀNH NGHIỆP	2.182	35,6
CTY TNHH MAU SON	2.111	189,0
CTY TNHH BẢO HƯNG	1.960	-12,0
CTY TNHH ROCHDALE SPEARS	1.958	-41,9
CTY CỔ PHẦN TÂN VĨNH CỬU " LONG BÌNH	1.834	2.584,8
CTY CỔ PHẦN GREATREE INDUSTRIAL	1.822	-13,6
CTY TNHH MỘC NGHỆ THUẬT	1.814	1.648,6
CTY TNHH KỸ NGHỆ GỖ HOA NÉT	1.745	9.649,4
CTY TNHH XNK GỖ AN LẠC	1.701	-10,8
CTY TNHH NEW DECOR WOOD INDUSTRIES	1.610	109,3
CTY TNHH MILLENNIUM FURNITURE	1.587	-
CTY CỔ PHẦN LEGAL FURNITURE	1.545	-55,1
CTY TNHH KINGWOOD CANDY (VIỆT NAM)	1.520	-55,8
CTY TNHH VINAWOOD	1.466	-68,2

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ dùng để tham khảo)

Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần

(Từ ngày 07/11/2023 đến 14/11/2023)

Trong tuần từ ngày 07/11/2023 đến 14/11/2023, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường trên thế giới đạt 50,1 triệu USD, tăng 3,2% so với tuần trước.

Trong đó, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ một số thị trường tăng so với tuần trước như: từ Trung Quốc tăng 18,5%; Cameroon tăng 93,9%; Chile tăng 40,0%; Nga tăng 488,2%; Braxin tăng 25,3%; Angola tăng 249,1%... so với tuần trước.

Trái lại, nhập khẩu mặt hàng này từ một số thị trường khác giảm so với tuần trước như: từ Mỹ giảm 35,0%; Thái Lan giảm 13,6%; Lào giảm 20,5%; Bỉ giảm 39,6%...

Một số thị trường đứng đầu về cung cấp gỗ nguyên liệu cho Việt Nam trong tuần từ ngày 07/11/2023 đến 14/11/2023

Thị trường	Tuần từ ngày 07/11/2023 đến 14/11/2023 (nghìn USD)	So với tuần trước (%)
Tổng	50.097	3,2
Trung Quốc	19.946	18,5
Cameroon	5.719	93,9
Mỹ	3.871	-35,0

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tuần từ ngày 07/11/2023 đến 14/11/2023 (nghìn USD)	So với tuần trước (%)
Chilê	2.941	40,0
Thái Lan	2.628	-13,6
Lào	1.864	-20,5
Nga	1.773	488,2
Braxin	867	25,3
Bỉ	769	-39,6
Indonesia	668	-22,6
Ăngôla	567	249,1
Đức	526	-46,2
New Zealand	519	-81,6
Malaysia	518	-50,2
Pháp	461	-4,2
Côngô	438	464,9
Italia	406	268,6
Hà Lan	404	105,6
Australia	369	-19,5
Canada	367	227,3
Nam Phi	364	-50,3
UruGuay	341	46,8
Phần Lan	318	284,8
Slovenia	277	-11,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Một số lô hàng gỗ nguyên liệu nhập khẩu tuần từ ngày 07/11/2023 đến 14/11/2023

Chủng loại	Lượng (m ³)	Đơn giá (USD)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã GH
Gỗ óc chó xẻ thanh, dài 10.16cm-35.56cm, dày 31.8mm	31	911,5	Mỹ	Cái Mép	CIF
Gỗ óc chó xẻ, dài từ 6feet, dày 4/4 inch	16	796,1	Mỹ	Hải Phòng	CIF
Gỗ anh đào dài từ 3m, đk từ 30cm	277	125,4	Bỉ	Hải Phòng	CIF
Gỗ bằng lăng xẻ dày 6mm	246	280,0	Lào	Quảng Trị	DAF
Gỗ bình linh xẻ dày 6mm	6	300,0	Lào	Quảng Trị	DAF
Gỗ bạch dương xẻ, (KT:25mm*60mm*2-2.7m)	318	400,0	Trung Quốc	Cát Lái	C&F
Gỗ cao su xẻ - đã vát 4 cạnh 20 x 36 x 425mm	2	412,8	Indonesia	Cát Lái	CFR
Gỗ cao su xẻ (42mm x 100mm x 457mm)	4	249,7	Malaysia	Cát Lái	CIF
Gỗ cao su xẻ dày (18*80*300) mm	3	235,0	Thái Lan	Cát Lái	C&F
Gỗ dương xẻ (dài: 6-16 feet, rộng:3-25 inch, dày: 4/4 inch)	201	233,1	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ dương xẻ (KT: 245-340*5-40*4-6 cm)	209	300,0	Trung Quốc	Cát Lái	C&F
Gỗ dẻ gai xẻ (38mm*223-283mm*3.5m)	33	325,5	Pháp	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ 38mmx130.602-950.8mmx2000-4000mm	65	433,0	Croatia	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ sấy dày: 26mm. dài: 3,35m	4	402,8	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ, dài từ 2100mm -4100mm, rộng từ 10cm-39cm, dày: 38mm	31	460,0	Ba Lan	Hải Phòng	CIF
Gỗ gáo vàng xẻ dày 6mm	3	200,0	Lào	Quảng Trị	DAF
Gỗ gỗ đẽo vuông thô dày 30 cm, rộng 31 cm, dài 200 cm	20	190,0	Gana	Cát Lái	FOB
Gỗ gỗ dạng xẻ dày (30 - 80) cm, rộng (32 - 80) cm, dài (230 - 280) cm	531	200,0	Môdambic	Hải Phòng	FOB
Gỗ gỗ xẻ thô dài 2m, rộng 20cm, dày 20cm	20	250,0	Kenya	Cát Lái	C&F
Gỗ gỗ xẻ, dài: 200cm, rộng: 29cm, dày: 27cm	90	280,0	Camêrun	Hải Phòng	FOB
Gỗ gụ lau xẻ dày 6mm	2	549,4	Lào	Hà Tĩnh	DAF
Gỗ hương đá dài từ 200cm, rộng 30cm, dày 30cm	22	227,3	Nam Phi	Hải Phòng	C&F

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Chủng loại	Lượng (m ³)	Đơn giá (USD)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã GH
Gỗ hương đá xẻ, dài (2-3) m, rộng từ 30cm, dày (12-17) cm	280	280,0	Ângôla	Hải Phòng	CIF
Gỗ hương đá xẻ, dài từ 200cm, rộng từ 20cm, dày từ 15cm	22	227,3	Nambia	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương 26x26 cm đến 53x52 cm, dài từ 259 đến 624 cm	78	200,0	Pêru	Đình Vũ	FOB
Gỗ hương xẻ dọc, L (200-215) cm x W (20-88) cm x H (5-30) cm	23	170,0	Thái Lan	Hải Phòng	CIF
Gỗ hoàng dương xẻ, dày 25.4mm, độ dài (2133.6~4876.8) mm	41	224,6	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ lim dài: 4.5-11.8m, đk trung bình: 67.6cm	94	242,4	Camêrun	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim dày 25 cm, rộng 25 cm dài 2m	48	167,0	Nigêria	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim xẻ, dài: 1-3.55m, rộng: 8-60cm, dày: 2-25cm	206	565,0	Gabông	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim xẻ, rộng từ 10cm, dày 10cm, dài 140 cm	18	200,0	Cônggô	Hải Phòng	FOB
Gỗ Linh sam xẻ (38mm*140mm*4.8-5.4m)	48	275,0	Thụy Điển	Cát Lái	CIF
Gỗ mít đã xẻ dài từ 800-3760mm, dày 80-400mm, rộng 100-400mm	20	218,7	Indonesia	Cảng xanh	CIF
Gỗ mít tròn đk 0.39 m đến 1.46m, dài từ 0.8m đến 7.7m	26	110,0	Campuchia	Tây Ninh	DAF
Gỗ sồi đỏ tròn - đk: 33cm, dài: 2.4m	153	250,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi đỏ xẻ dày 38mm, dài từ 2000mm, rộng từ 100mm	26	530,0	Ba Lan	Hải Phòng	CIF
Gỗ sồi dày 26mm; rộng 10 -60 cm; dài 1.8 - 3.6 m	37	637,4	Rumani	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi trắng tròn đk: 40cm, dài: 2m	17	196,3	Pháp	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi trắng xẻ dày 22mm, dài từ 3100mm, rộng từ 100mm	26	595,6	Bỉ	Cảng xanh	CIF
Gỗ sồi tròn dài 2200-9500 mm (+-2), đk 260-820mm (+-5)	222	535,0	Croatia	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi xẻ sậy 20mm x 10cm dài từ 2.0-4.0m	66	577,5	Italia	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi xẻ sậy, dày: 22mm dài 2,10 m đến 2,70 m	30	661,5	Pháp	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi xẻ, dày (2.6-3) cm. rộng (7.62-35.56) cm. dài (183-427) cm	29	490,0	Ai Len	Cát Lái	CIF
Gỗ sến tròn đk 100 cm, dài 5m	69	282,1	Cônggô	Hải Phòng	FOB
Gỗ tần bì dày: 50mm; rộng: 10 - 50cm; dài: 2,3 - 3 m	13	574,6	Rumani	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì khúc tròn dài 2,5 m, đk (30 -39) cm	40	182,8	Bỉ	Cảng xanh	CIF
Gỗ tần bì tròn đk (30-71) cm, dài (2.9-11.5) m	625	200,0	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì Tròn đk: 30-39 cm, dài: 2m	71	210,0	Pháp	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn, dài từ 2.5m, đk từ 30cm	270	235,1	Slovenia	Hải Phòng	CIF
Gỗ tần bì tròn, dài từ 2.5m, đk từ 30cm -39cm	5	220,2	Hà Lan	Hải Phòng	CIF
Gỗ tần bì xẻ dày: 26mm, dài: 210-290cm	10	503,7	Croatia	Cát Lái	CFR
Gỗ tần bì xẻ sậy dài:(2.5-4.2) m, dày (29) mm	85	200,0	Trung Quốc	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì, dài 3m, đk từ 30cm	192	226,7	Anh	Hải Phòng	C&F
Gỗ teak tròn fsc 100%, chu vi từ 80 cm (đk từ 25,48cm), dài 2,6m	112	315,0	Braxin	Bình Định	CIF
Gỗ thông đk 16-60cm, dài 5.8m	444	110,0	Chilê	Cát Lái	CIF
Gỗ thông mặt cắt ngang nhỏ nhất từ 15cm, d:15cm x dài 3800-5800mm	29	110,0	New Zealand	Cát Lái	CIF
Gỗ thông tròn đk: 24 cm, dài 4m	158	177,4	Nhật Bản	Cát Lái	CIF
Gỗ thông vàng tròn - đk: 30cm, dài: 3.8-11.6m.	170	105,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ (25 * 150-200 * 3500-4000) mm	48	231,6	Uruguay	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ (dày: 17-35mm, rộng: 140-184cm, dài 1.83 m- 4.88 m	50	175,0	Canada	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 22mm x 74-300mmx1.6m	99	225,0	Côxta Rica	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 50mm x 100mm x (3,3m - 6,0m)	54	158,0	Australia	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 800 x (75-87) x16mm	97	161,0	Braxin	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sậy dày 18mm x rộng 140mm x dài 2000-2700mm	248	223,0	Achentina	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sậy dày: 19mm. dài: (4.27-4.88) m	102	230,0	Canada	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sậy dày: 25/32mm, dài (5100-5400) mm	44	185,0	Phần Lan	Cát Lái	CPT
Gỗ thích ứng xẻ 4/4 x 3-16" x 6-16 feet	29	339,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ thích xẻ (4/4), QC:(1830-4880mm x76.2-381mm x 25.4mm)	33	380,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ trần xẻ- (dày 25.4 x rộng 70-300 dài 1800-3000) mm	48	180,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ tròn bạch đàn dài 5,7m, đk trung bình 30cm	464	155,0	Uruguay	Bình Định	CIF

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Chủng loại	Lượng (m ³)	Đơn giá (USD)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã GH
Gỗ tròn Girth 90-99 cm, length 250 cm	11	540,0	Côtxta Rica	Vũng Tàu	CIF
Gỗ vân sam xẻ (25 x 150 x 3000~5400) mm	45	240,0	Estonia	Cát Lái	CIF
Gỗ xẻ bạch đàn dày 53mm, rộng 100mm trở lên, dài 2000mm	62	300,0	Braxin	binh Định	CIF
Gỗ xoan đào dài từ 5.5m, đk từ 88cm	225	425,3	Camêrun	Hải Phòng	CIF
Gỗ xoan đào xẻ, dài: 470cm, rộng: 65cm, dày: 55cm	28	250,0	Gana	Hải Phòng	FOB
Tấm ván ép công nghiệp MDF (1.220x2.440x17) mm+-5%	110	112,0	Trung Quốc	Lạng Sơn	DAF
Ván dăm E2 16 x 1220x 2440mm, độ dày 16mm, dài 1220x2440mm	38	116,0	Thái Lan	Cát Lái	CFR
Ván dăm PB (25x1220x2440) mm	42	98,0	Thái Lan	Cát Lái	CIF
Ván ép MDF dày 9mm (kích thước 9x2440x1220mm)	167	380,0	New Zealand	Hải Phòng	CFR
Ván MDF - 1220*2440*12mm	121	115,0	Trung Quốc	Cát Lái	CIF
Ván MDF độ dày không quá 5mm,1220*2440mm* 2.7mm	3	810,5	Hàn Quốc	Cát Lái	FOB
Ván PB (Ván dăm) Qc: 1220mm x 2440mm x 15mm	114	150,0	Malaysia	Cát Lái	C&F
Ván sợi MDF, dày 9mm, kích thước: 27x1240x2450mm	14	606,9	Nhật Bản	Tiên Sa	CIF

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ dùng để tham khảo)

Xuất khẩu mặt hàng mây, tre, cói, thảm trong kỳ

(Từ 31/10/2023 đến 14/11/2023)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm trong kỳ từ 31/10/2023 đến 14/11/2023 đạt 27,84 triệu USD, giảm 5,4% so với kỳ trước (từ 17/10/2023 đến 31/10/2023). Trong đó, kim ngạch xuất khẩu thảm đạt 13,17 triệu USD, giảm 5,8% so với kỳ trước; lục bình đan đạt 3,88 triệu USD, giảm 23,0%; cói đan đạt 2,92 triệu USD, tăng 19,6%; tre đan đạt 2,61 triệu USD, giảm 12,7% và mây đan đạt 2,87 triệu USD, tăng 20,2%.

Trong kỳ vừa qua, sản phẩm mây, tre, cói, thảm được xuất khẩu sang 54 thị trường. Trong đó, có 6 thị trường đạt kim ngạch trên 1 USD là: Mỹ đạt 9,05 triệu USD, giảm 22,7% so với kỳ trước; Nhật Bản đạt 3,55 triệu USD, giảm 16,2%; Pháp đạt 3,29 triệu USD, tăng 151,4%; Đức đạt 1,67 triệu USD, tăng 9,7%; Tây Ban Nha đạt 1,23 triệu USD, tăng 35,5% và Ấn Độ đạt 1,20 triệu USD, giảm 24,3%.

Một số lô hàng xuất khẩu đạt giá cao trong kỳ vừa qua như: Bộ bàn ghế sofa bằng tre (1 bộ bao gồm 4 cái: 1 bàn tre quy cách: L70 x W70 x H35 cm, 2 ghế sofa đơn tre quy cách: L70 x W75 x H32/82 cm, 1 ghế sofa băng tre L180 x W75 x H32/82 cm), xuất khẩu sang thị trường Thụy Điển có giá 345,9 USD/bộ (FOB cảng Gemalink); ghế khung mây có nệm ngồi, kích thước 192 x 81 x 71 (cm), xuất khẩu sang thị trường Qata có giá 190,0 USD/cái (FOB Cát Lái); giường mây L202 x W100 x H62.5 cm xuất khẩu sang thị trường Tây Ban Nha có giá 133,6 USD/cái (FOB cảng Nam Đình Vũ)...

Một số lô hàng mây, tre, cói, thảm xuất khẩu trong kỳ (Giá: FOB)

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
Đan Mạch	Bộ 3 giỏ cói, đường kính 40x cao chưa quai 40 - có quai 60/31x40-55/21x21-31 cm	Bộ	279	20,0	Gemalink
	Bộ 2 giỏ mây 14420266, đường kính 40X cao 62 cm/ 30 X 50 cm	Bộ	192	18,3	Gemalink
	Ghế đơn tre QC: 40x phi 35 cm	Cái	988	9,7	Cát Lái
	Kệ mây 82056689; KT: 42 cm x 27cm x 40cm	Cái	100	8,5	Cái Mép
	Đèn lồng bằng mây, kích thước D25xh50/64 cm	Cái	276	8,5	Cảng Xanh
Đức	Giỏ bèo bộ 2 kích thước: 39x28H46; 44x33H50 cm	Bộ	340	21,8	Lạch Huyện
	Chậu đan lục bình có màng PE, KT: 36 x 36 x 35/ 30 x 30 x 30 cm (1 bộ = 2 cái)	Bộ	405	13,3	Cát Lái
	Túi làm từ cói DL-HB28-Loberon kích thước 42 x 13 x H24/37 cm	Cái	200	7,1	Hải Phòng
Achentina	Bộ 3 sọt, bằng lục bình hình chữ nhật, kích thước L30 * W22 * H38, L35 *	Bộ	100	40,5	Lạch Huyện

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
	W26 * H44, L40 * W30 * H50 cm				
	Chao đèn bằng mây hình tròn, kích thước D80 * H70 cm	Cái	40	32,0	Tân Vũ
	Chao đèn bằng cói hình tròn, kích thước D40 * H40 cm	Cái	50	15,2	Tân Vũ
	Đồ trang trí bằng cói hình tròn, đường kính 70/30 cm	Cái	100	10,8	Tân Vũ
Anh	Bộ 3 thùng giặt bằng lục bình, hình chữ nhật (44-56 x 30-40 x 52-60)cm	Bộ	126	37,5	Cát Lái
	Bàn sơn mài cốt tre, kích cỡ 48x35xH50 cm	Cái	120	29,0	Cái Mép
	Bộ 4 rổ lục bình hình tròn, có quai xách (35-58 x 32-48) cm	Bộ	84	28,5	Cát Lái
	Bàn cói, kích cỡ D35xH56 cm	Cái	230	23,0	Cái Mép
	Thùng cói tròn D40/45/35 x H52.5/54 cm	Cái	95	16,6	Gemalink
	Đèn mây dùng trang trí, KT 45 x 45 x H 34 cm	Cái	500	11,5	Nam Định Vũ
Australia	Thảm cói đan kích thước W2.4m x L3.6m	Cái	6	95,0	Hải Phòng
	Giỏ mây chữ nhật 42x36x32 cm	Cái	300	22,9	Tân Vũ
	Thùng giặt vuông (lục bình) (63.5x38x17cm)	Cái	30	17,6	Gemalink
	Bộ 2 giỏ cói tròn dia 45, H45 cm và Dia 32, H 32cm	Bộ	600	17,5	Tân Vũ
	Khay bàn tre 3 ngăn kéo đứng (24.5x17xH23 cm)	Cái	364	6,6	Hải Phòng
Ba Lan	Thang trang trí bằng tre. QC : 150 x 40 x 4 cm	Cái	2.816	5,4	Cát Lái
	Giỏ cói Dia35 x H30 cm	Cái	120	4,6	Cảng Xanh
Bỉ	Kệ tre. KT: 160x40x195 cmH	Cái	70	54,4	Gemalink
	Phong tre. KT: 120x160 cmH	Cái	125	17,2	Gemalink
	Bàn tre. KT: 120x46 cmH	Cái	110	15,4	Gemalink
	Ghế tre. KT: 45x55x85 cmH	Cái	392	14,1	Gemalink
Braxin	Bộ 2 khay tre tròn sơn mài mã LV23-KT2/3, Dia 45x h5cm và Dia 50 x h5.5cm	Bộ	50	17,3	Nam Định Vũ
	Chao đèn bằng tre hình sóng kích thước L60 * W43 * H18 cm	Cái	729	10,6	Cảng Xanh
Canada	Bàn và đôn sơn mài cốt tre (bộ 2), kích cỡ 36x36xH46 cm; D40xH46 cm	Bộ	160	36,4	Lạch Huyện
	Đèn tre, kích thước 35x35xH130 cm	Cái	180	29,0	Lạch Huyện
	Giỏ làm từ cây lục bình, bộ 6 chiếc, kích thước: 55x45xH30/36; 50x40xH27/33; 45x35xH24/30; 40x30xH22/28 35x25xH20; 30x20xH18cm,	Bộ	160	28,5	Lạch Huyện
	Đôn sơn mài cốt tre, kích cỡ D33xH48 cm	Cái	600	18,5	Lạch Huyện
	Thùng cói tròn D41/44/31xH50/62 cm	Cái	170	15,2	Lạch Huyện
CH Dôminica	Thảm cói hình hoa D120 cm	Cái	45	12,8	Lạch Huyện
	Giỏ bèo có tay cầm D40xH50 cm	Cái	80	10,8	Lạch Huyện
Chilê	Bộ 3 giỏ bèo WH11279, kích thước đường kính đáy 33x đường kính thân 37xcao 32/25-29x26/18-21x20cm	Bộ	300	13,1	Hải An
	Khay cói MX1170 ; KT : 40cm x 30cm x 5cm	Cái	2.000	11,1	Lạch Huyện
Ấn Độ	Set 3 giỏ bèo L44W30H20/L40W26H18/L33W22H15 cm	Bộ	245	9,0	Nam Định Vũ
	Chao đèn tre D38xH40 cm	Cái	100	5,8	Nam Định Vũ
Hà Lan	Thùng giặt ủi đan lục bình và cói, 53X41/45X35/50X28H70/60/35 cm	Bộ	48	47,2	Phước Long
	Bộ 4 rổ lục bình hình tròn, có quai xách (35-58 x 32-48) cm	Bộ	42	28,5	Cát Lái
Hàn Quốc	Thảm lục bình (180 x 220 cm)	Cái	100	20,1	Transimex
	Mành che nắng bằng tre KT 90cmx2000 cm	Cái	50	20,0	Tân Vũ
	Ấu tròn đan bằng mây; k/t: Dia28/17 x H15/20cm	Bộ	36	17,4	Green Port
	Làn chữ nhật đan bằng nửa; k/t: 36x26xH21/39cm	Bộ	90	10,7	Green Port
	Rá đan bằng nửa; k/t: Dia47 x H7cm	Cái	140	8,9	Green Port
	Chuồng cho thú bằng bẹ chuối Dia 30x24cm	Cái	216	7,1	Cát Lái
Italia	Ghế 113x60x75 cm làm bằng tre	Cái	200	14,6	Gemalink
	Đôn vuông bộ 2 cái (35x35x76,25x25x50) cm làm bằng tre	Bộ	100	11,3	Gemalink
Mỹ	Giỏ bèo tây (bộ 7) kích cỡ 73x45xH60cm; 67x39xH50cm; 60x35xH45cm; 60x36xH28cm; 34x28xH18cm; 30x22xH15cm; 25x15xH12 cm	Bộ	248	56,3	Lạch Huyện
	Ghế Parisian Nat làm bằng mây, ván Plywood: 724mm x 616mm x 984mm	Cái	60	55,5	Gemalink
	Bàn sơn mài cốt tre kích cỡ D76xH43cm	Cái	100	51,3	Lạch Huyện
	Bộ 2 giỏ cói mã 70225, kích thước D46 x H51/64, D53x H58/76 cm	Bộ	25	49,0	Lạch Huyện
	Thùng mây tròn D46xH65/66/69cm	Cái	100	43,0	Lạch Huyện
	Xe đẩy bằng tre, kích thước 53x50xH79cm	Cái	508	42,1	Lạch Huyện

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
	Bộ giặt làm bằng cối bộ 3 cái (32x17x17,D.38 x H.54,D.43,5 x H.60,5) cm	Bộ	135	38,7	Cái Mép
	Giỏ bèo tây (bộ 2), kích cỡ D43xH49 cm; D33xH40 cm	Bộ	200	34,8	Lạch Huyện
	Khay mây vuông 51/46x51/46x H5cm	Cái	50	34,3	Lạch Huyện
	Đèn treo tường tre 63x53xH14cm kèm phụ kiện	Cái	184	28,8	Lạch Huyện
Nhật Bản	Giỏ mây tròn D34x H27cm	Cái	300	12,7	Tân Vũ
	Khay sơn mài cốt tre mã 14566, phi 27.5xH0.5 cm	Cái	200	8,4	Đình Vũ
	Chiếu cối 80x300cm	Cái	450	8,0	Green Port
Pháp	Tấm đan bằng bèo tây: TTW222772 (180x122cm)	Cái	40	44,0	Lạch Huyện
	Hòm mây: TTR200986 (51x48x100cm)	Cái	240	40,5	Lạch Huyện
	Bộ 2 thùng bèo WH120444L, KT đường kính 38x cao 42 cm/D46x51 cm	Bộ	528	26,0	Lạch Huyện
	Đèn sơn mài cốt tre, kích cỡ D48xH65 cm	Cái	346	21,9	Lạch Huyện
	Con chim trang trí tường đan cối, kích cỡ 34x5xH110cm	Cái	120	17,5	Lạch Huyện
	Đèn đan đay, kích cỡ D27xH100cm	Cái	400	16,8	Lạch Huyện
	Giỏ cối, kích cỡ D40xH60cm	Cái	525	14,0	Tân Vũ
Tây Ban Nha	Giường mây L202 x W100 x H62.5 cm	Cái	35	133,6	Nam Đình Vũ
	Khung gương mây, kích thước 80x180 (cm)	Cái	20	54,9	Lạch Huyện
	Bàn mây, kích thước phi 40x50 (cm)	Cái	20	31,9	Lạch Huyện
	Ghế mây 45x45x90cm	Cái	290	26,1	Lạch Huyện
	Kệ mây HCN 3 tầng : L45 x W32 x H80 cm	Cái	150	23,2	Cảng Xanh
Thụy Điển	Bộ bàn ghế sofa bằng tre (1 bộ bao gồm 4 cái: 1 bàn tre QC: L70 XW70XH35cm, 2 ghế sofa đơn tre QC: L70 XW75XH32/82cm, 1 ghế sofa băng tre L180X W75X H32/82 cm)	Bộ	44	345,9	Gemalink
	Chao đèn đay kích cỡ 63x53xH14cm	Cái	100	11,2	Cái Mép
	Giỏ bèo tây: TTW57x38cm	Cái	1.368	11,0	Cảng Xanh
	Giỏ mây: TTR54x30cm	Cái	252	10,3	Cảng Xanh
UAE	Bộ ghế tre sofa (1 bộ bao gồm 2 ghế sofa tre có nệm QC: 70x70x65cm - 55x70x65 cm)	Bộ	12	52,8	Cát Lái
	Bộ bàn ghế sofa bằng tre (1 bộ bao gồm: 1 bàn tre QC: 55x65x30 cm, 1 ghế sofa tre có nệm QC: 55x70x65 cm, 1 ghế sofa tre có nệm QC: 55x65x30 cm.)	Bộ	10	52,1	Cát Lái

(Số liệu thống kê sơ bộ chỉ sử dụng để tham khảo)

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Chỉ số GTI của Malaysia trong tháng 9/2023 giảm

Theo nguồn itto-ggsc.org, tháng 9/2023, hoạt động ngành gỗ Malaysia vẫn còn tương đối chậm. Các doanh nghiệp GTI-Malaysia báo cáo xuất khẩu gỗ sứt giảm và nhu cầu trên thị trường vật liệu xây dựng trong nước tiếp tục trì trệ, khiến giá gỗ giảm.

Các doanh nghiệp có nhu cầu mở cửa thị trường quốc tế và gia tăng đơn đặt hàng ở nước ngoài, đồng thời đề xuất các biện pháp kiểm soát chi phí. Trong tháng 9/2023, chỉ số GTI-Malaysia đạt 37,2%, giảm 0,7 điểm phần trăm so với tháng 8/2023, ở dưới giá trị giới hạn (50%) trong 11 tháng liên tiếp.

Những thách thức chính được báo cáo bởi các doanh nghiệp GTI-Malaysia

- + Thiếu lao động và giảm đơn hàng.
- + Giá nguyên liệu cao.
- + Thị trường tăng trưởng chậm.
- + Giá gỗ giảm do nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng thấp.
- + Xuất khẩu gỗ giảm và giá giảm.

Đề xuất từ Doanh nghiệp GTI-Malaysia

- + Mở rộng thị trường và tìm kiếm nguồn lao động.
- + Kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất.
- + Đề nghị Chính phủ tăng chi tiêu xây dựng công cộng nhằm tăng nhu cầu về vật liệu xây dựng và nội thất nhà ở/văn phòng.
- + Hợp tác chặt chẽ với khách hàng để phát triển

FSC điều chỉnh các giải pháp tuần hoàn rừng

Theo nguồn globalwood.org, nhu cầu toàn cầu về các sản phẩm từ rừng được dự đoán sẽ tăng 1/3 vào năm 2035 và tăng gấp 4 lần vào năm 2050. Sự leo thang này được thúc đẩy bởi sự gia tăng dân số, đô thị hóa và nỗ lực liên ngành hướng tới lượng phát thải ròng bằng 0. Tuy nhiên, như (Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên) WWF đã nêu, rừng của Hội đồng quản lý rừng (FSC) không thể đồng thời đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng và quản lý bền vững rừng. Để bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái rừng, người dân trên toàn thế giới phải phát triển các giải pháp có thể mở rộng để sử dụng cũng như tái sử dụng các vật liệu từ rừng.

Các quy định pháp luật trên toàn thế giới, đặc biệt là ở châu Âu, đang thúc giục các công ty chuyển đổi sang mô hình kinh doanh tuần hoàn. Các luật này dựa trên nhiều phương pháp khác nhau, từ mua sắm công, cơ chế tài chính, yêu cầu báo cáo đến chỉ đạo các quy định về sản phẩm như một phương tiện hướng tới tính tuần hoàn. Tất cả đều chia sẻ những mốc thời gian, điển hình như EU yêu cầu chuyển đổi vào năm 2030 và đòi hỏi các công ty phải thay đổi cơ bản về tính minh bạch của chuỗi cung ứng, xác thực dữ liệu và luồng thông tin sản phẩm.

Điều chỉnh các tiêu chuẩn FSC để hỗ trợ các giải pháp tuần hoàn

FSC cam kết hoàn thành sứ mệnh bảo vệ rừng và liên tục thích ứng để phù hợp với nhu cầu và thách thức của các thế hệ tương lai. Để đạt được điều này và duy trì khả năng tìm ra giải pháp trong tương lai cho nhiều công ty sử dụng toàn bộ hệ thống làm nền tảng trong nỗ lực bền vững, đang ưu tiên giúp các công ty thực hiện thiết lập tuần hoàn dễ dàng hơn trong khuôn khổ và tiêu chuẩn FSC.

Tuy nhiên, chuỗi tiêu chuẩn hành trình sản phẩm FSC hiện tại, bao gồm tiêu chuẩn FSC dành cho vật liệu tái chế, chưa được định hình để phù hợp với nhu cầu ngày nay khi làm việc với giải pháp tuần hoàn hiện đại. Những điều này có thể gây khó khăn cho các công ty trong việc áp dụng các mô hình kinh doanh tuần hoàn trong khi vẫn duy trì được chứng nhận FSC. Các vấn đề trải dài từ việc thiết lập cho thuê, giải pháp thu hồi, mô hình sửa chữa cho đến việc được phép sử dụng các vật liệu trước và sau tiêu dùng trên các loại sản phẩm khác nhau.

Giải quyết những rào cản này là rất quan trọng. Trong năm qua, các chuyên gia của FSC đã chỉ ra nguyên nhân gốc rễ và xác định các giải pháp tiềm năng.

THAM KHẢO

Ngừng tạm nhập, tái xuất gỗ tròn, gỗ rừng tự nhiên từ Lào và Campuchia

Bộ Công Thương vừa ban hành Thông tư số 21/2023/TT-BCT quy định về việc tạm ngừng kinh doanh tạm nhập tái xuất gỗ tròn, gỗ xẻ từ rừng tự nhiên từ Lào, Campuchia.

Ngày 15/11/2018, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 44/2018/TT-BCT quy định về việc tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất gỗ tròn, gỗ xẻ từ rừng tự nhiên từ Lào và Campuchia. Theo quy định tại khoản 1 Điều 4, Thông tư số 44/2018/TT-BCT có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2023.

Sau 4 năm triển khai thực hiện, Bộ Công Thương đã tiến hành tổng kết đánh giá việc thi hành Thông tư số 44/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất gỗ tròn, gỗ xẻ từ rừng tự nhiên từ Lào và Campuchia.

Trên cơ sở kết quả tổng kết, đánh giá việc thi hành Thông tư số 44/2018/TT-BCT, để tránh lỗ hổng về pháp lý khi Thông tư số 44/2018/TT-BCT hết hiệu lực; tiếp tục duy trì chính sách nhằm hạn chế tình trạng khai thác, vận chuyển, buôn bán gỗ bất hợp pháp qua biên giới, kiểm soát được tình trạng thương nhân lợi dụng các quy định về loại hình kinh doanh tạm nhập tái xuất gỗ tròn, gỗ xẻ để thực hiện các hành vi gian lận thương mại; tiếp tục thực hiện các cơ chế chính sách, các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý rừng, quản lý lâm sản đảm bảo phù hợp với các quy định quốc tế Việt Nam đã tham gia như Hiệp định đối tác tự nguyện giữa Việt Nam và các nước EU về thực thi lâm luật, quản trị rừng và thương mại lâm sản (VPA/PLET), Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp (Cites)... Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 21/2023/TT-BCT quy định về việc tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất gỗ tròn, gỗ xẻ từ rừng tự nhiên từ Lào và Campuchia.

Theo Thông tư số 21/2023/TT-BCT quy định, kể từ ngày 01/01/2024, tạm ngừng hoạt động kinh doanh tạm nhập từ Lào và Campuchia để tái xuất sang nước thứ ba đối với gỗ tròn, gỗ xẻ từ rừng tự nhiên thuộc nhóm HS 44.03 và 44.07 theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Thông tư này áp dụng cho thương nhân tham gia hoạt động kinh doanh tạm nhập, tái xuất gỗ tròn, gỗ xẻ từ rừng tự nhiên từ Lào và Campuchia; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kinh doanh tạm nhập, tái xuất gỗ tròn, gỗ xẻ từ rừng tự nhiên từ Lào và Campuchia.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2027.

Bộ Công Thương công bố Danh sách sơ tuyển “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2022

Thực hiện công văn số 3028/BCT-XNK ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Bộ Công Thương về việc xét chọn Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2022, các cơ quan, tổ chức xét chọn (sau đây gọi tắt là đơn vị xét chọn) bao gồm các Bộ, ngành, Hiệp hội ngành hàng, Sở Công Thương tỉnh, thành phố đã triển khai hướng dẫn các doanh nghiệp trực thuộc lập hồ sơ đăng ký và phối hợp với các cơ quan hữu quan liên quan để xác nhận, xét chọn và gửi kết quả về Bộ Công Thương theo quy định tại Quy chế xét chọn Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín (ban hành kèm theo Quyết định số 911/QĐ-BCT ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương).

Tính đến thời điểm công bố, Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương đã nhận được 54 công văn của các đơn vị xét chọn trên cả nước đề xuất cho 283 doanh nghiệp (tương đương 287 lượt doanh nghiệp) thuộc 25 ngành hàng. Sau khi đối chiếu

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

với các tiêu chí quy định tại văn bản số 3028/BCT-XNK dẫn trên, có 274 doanh nghiệp đạt tiêu chí quy định và có 13 doanh nghiệp chưa đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đề ra.

Sau khi tổng hợp và xét chọn theo quy định, Bộ Công Thương công bố công khai Kết quả sơ tuyển “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2022” trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương. Danh sách sơ tuyển nêu trên được các cơ quan, tổ chức xét chọn dựa trên cơ sở các tiêu chí quy định về mức kim ngạch xuất khẩu tối thiểu, về uy tín trong kinh doanh đối với bạn hàng nước ngoài, về việc chấp hành nghĩa vụ đối với Nhà nước trong lĩnh vực hải quan, lĩnh vực thuế, lĩnh vực môi trường... của các doanh nghiệp.

Trong thời gian công bố Danh sách sơ tuyển, Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương mong nhận được những ý kiến tham gia góp ý của tổ chức, cá nhân đối với Danh sách sơ tuyển trước ngày 30 tháng 11 năm 2023 để hoàn chỉnh và triển khai công bố chính thức Danh sách “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2022.

Mọi chi tiết xin liên hệ:

Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương (Số 54 Hai Bà Trưng, Hà Nội)

Điện thoại: 04.22205440

Email: huyenngt@moit.gov.vn

DANH SÁCH SƠ TUYỂN ""DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU UY TÍN"" NĂM 2022 (Dưới đây là danh sách doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm gỗ và TCMN)

TT	Tên Doanh nghiệp	KNXK	Đơn vị xét chọn
SẢN PHẨM GỖ (5 doanh nghiệp)			
1	Công ty TNHH Great Veca Việt Nam	73.141.085	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai
2	Công ty CP Đầu tư quốc tế và Xuất nhập khẩu DHT	60.412.090	Sở Công Thương Thành phố Hà Nội
3	Công ty TNHH Phát Triển	33.378.727	Sở Công Thương tỉnh Bình Dương
4	Công ty TNHH MTV Rapexco - Đại Nam	29.538.639	Sở Công Thương tỉnh Khánh Hoà
5	Công ty CP Sản xuất và Xuất nhập khẩu Long Đạt	29.480.689	Sở Công Thương Thành phố Hà Nội
THỦ CÔNG MỸ NGHỆ (4 doanh nghiệp)			
1	Công ty TNHH Phước Dũ Long	9.830.645	Sở Công Thương tỉnh Bình Dương
2	Công ty TNHH Xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ Duy Thành	7.278.702	Sở Công Thương TP Đà Nẵng
3	Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu hàng mỹ nghệ Minh Khang	6.014.042	Sở Công Thương TP Đà Nẵng
4	Hợp tác xã Quang Minh	5.497.319	Sở Công Thương tỉnh Tiền Giang

Bản tin Thông tin Thương mại chuyên ngành **Sản phẩm gỗ & Hàng TCMN**

Giấy phép xuất bản: **46/GP-XBBT** do Cục Báo chí cấp ngày 18 tháng 8 năm 2023

Kỳ hạn xuất bản: **Hàng tuần**

In tại: **Hà Nội**